

SỐ 1782

THUYẾT VÔ CẤU XUNG KINH SỐ

Hán dịch: Đồi Đường, Sa-môn Khuy Cơ, chùa Đại Từ ân, Trung Quốc.

QUYỂN 1

(Phần 1)

PHẨM 1: TỰA

Phàm thật tế rỗng rang, mở then huyền nơi bất nhị, cõi quyền khai đạo, diễn diệu pháp nơi vô tam. Hoặc hiển bày giáo rộng lớn, ngưỡng tạ sự nghiệp Đấng Chí Tôn, hoặc thâm khai lý sâu mầu, cúi khen sự nổi dòng của chư Bồ-tát; tất cả đều muốn dùng mưa tuệ để dập tắt lửa khổ đau, dùng bến từ để vớt người chìm đắm, vì thế nêu chỉ chín hữu mà hội về mười không, nêu tám giải mà bày bảy giác. Cùng tốt thay! Lớn lao thay! Thật khó có thể đặt tên. Nay kinh này là thái hư bao trùm các yếu chỉ, là trời rộng thấu các giáo ngôn. Lý tận cùng chân tục, dấu vết vượt ngoài tâm ngôn; thần cơ u vi thật khó lường, đức độ thuần trong thật khó biết. Ấn ngón chân biến thành trăm ức, dùng bàn tay chuyển vận đại thiên; hợp các bảo cái bao trùm vạn tượng, hiển thế gian đều là hư vọng, trượng thất có tám việc thù thắng, chiếu chân trường vĩnh viễn an tịnh. Nhét núi Diệu cao vào hạt cải, cảnh lớn nhỏ vẫn không tăng, rót hết nước biển lớn vào dấu chân trâu, sự độn rộng hẹp vẫn chẳng đổi. Kinh này là cái khóa bí mật để mở rộng huyền môn, là vùng đất đạo để dời vườn giác, là xe trâu để ra khỏi ngôi nhà mục nát, là xe voi để vượt khỏi dòng sông. Vì thế ngọc điệp (kinh điển) rực rỡ ở phương Tây, Kim tứ (tượng Phật) chói sáng nơi Đông độ. Chỉ từ một bản chánh văn nhưng trải qua sáu người dịch. Do Hoa Phạm cách xa, âm vận khác

biệt, cho nên hoặc là phẳng phất theo văn, dẫn đến sự lầm lẫn huyền chỉ. Do đó Đại sư như vầng trăng chói sáng giữa trời sao, là tấm gương viên giáo rực rỡ trên đài tình. Nói lại khung đã đứt mà giúp đỡ hậu sinh, vá tấm lưới đã hư mà chấn chỉnh quy tắc đời trước, phân biệt đúng sai, lựa chọn từ nghĩa, mà dịch kinh này hoặc giả là để tuân theo phép tắc chân chính.

Thuyết Vô Cấu Xưng kinh, phẩm Tự Độ Nhất. Phát lời vàng từ miệng vàng, viết chữ ngọc nơi bút ngọc, cảnh tỉnh người học mà diễn xướng lên, cho nên gọi là “thuyết”. Đạo thì dung thông chân tế, nghiệp thì thơm ngát loài quần sinh. Dấu áo tía để ẩn oai nghi, xưng huyền nho để bày diệu chỉ. Hoặc quyền hoặc thật, hiện có bệnh để diễn đại Phương đẳng. Thoạt ẩn thoạt hiển, nhờ hỏi đáp để sáng tỏ thể mệnh. Mười vị đại Thanh văn đều nói là bị khuất phục, một vị Quán Đảnh đứng đầu, thừa oai Phật mà im lặng. Phạm hạnh đã trong sạch, thần đức đã uy nghiêm, danh tiếng vang xa, nên gọi là Vô Cấu Xưng. Kinh nghĩa là xuyên giữ là thâm nhiếp, xuyên giữ hai lý, không để thiếu sót, thu nhiếp bốn loài sinh, không để bị đọa lạc. Tự tức là nguyên do, là bắt đầu, tức trình bày nguyên do khởi giáo, là bắt đầu của việc phát dương diệu pháp. Phẩm tức là loại là biệt. Phân biệt huyền chỉ, xuyên suốt các giáo sâu xa; phân biệt theo từng loại để hiểu rõ nên gọi là phẩm.

Kinh này gồm sáu quyển, mười bốn phẩm. Nay đặt ở đầu cho nên gọi là thứ nhất.

Kinh: *Như thị ngã văn* (Chính tôi được nghe như thế)

Tán: Nay giải thích kinh này, tổng quát có thể chia làm sáu môn:

- Một là, Nhân phát khởi kinh.
- Hai là, Tôn chỉ của kinh.
- Ba là, Thuật thể tánh của kinh.
- Bốn là, Thuật về sự bất đồng của kinh.
- Năm là, Chỗ y cứ để phân khoa các phẩm.
- Sáu là, Giải thích văn nghĩa.

Một, Nhân phát khởi kinh: Nêu tóm lược năm loại:

1. Khiến chúng sinh khởi tâm ưa thích và nhằm chán.
2. Khiến Nhị thừa có tâm lấy bỏ.
3. Hiện thị pháp tu tập trong ngoài của Bồ-tát.
4. Hiện bày oai đức lớn của Như Lai.
5. Chúng đương thời căn cơ thuần thực được nghe pháp.

1. Khiến chúng sinh khởi tâm thích và chán:

Từ xưa đến nay, suy tìm kỹ thì chư Phật thị hiện lợi ích chúng sinh không ngoài hai việc, đó là hiện thân và thuyết pháp. Vả lại nếu luận về thân của chư Phật, thì xưa nay không hai, cho nên kinh Niết-bàn ghi: “Nếu có thể cho rằng Tam bảo thường trụ đồng với chân đế, đó tức là nguyện tối thắng của chư Phật”; tùy theo sự thấy nghe của chúng sinh mà phân biệt thành ba thân:

1. Pháp thân, tức chân lý lìa vọng.
2. Báo thân, tức thật trí hợp với chân.
3. Hóa thân tức là quyền thân ứng vật.

Kinh Phật Địa ghi: “Tự tánh pháp thân, thọ dụng thân sai biệt chuyển, đều do hư vọng che lấp; do việc tục ngăn che mà sự ngu si sinh. Nay nhờ vào pháp chân thật để tu tập, chánh lý hiển lộ mà báo thân khởi”. Phạm lý là gốc để giác ngộ chánh đạo, do hiển được vị mà gọi là pháp thân, báo là khởi đầu của Thánh đức, do tu viên mãn mà gọi là báo thân. Nhưng diệu lý thì hàng trung nhân không thể liễu ngộ. (Diệu lý tức là pháp thân Phật tánh, hàng trung nhân tức Bồ-tát Thập địa. Bồ-tát Thập địa chưa liễu ngộ được pháp thân Phật tánh).

Kinh Bồ-tát địa ghi: “Bồ-tát Địa thứ mười, hiện quán cảnh tượng như người mắt sáng nhìn hình ảnh qua lớp vỏ lúa mỏng, các luận cũng nói như thế. Pháp thân chư Phật chỉ có Phật với Phật mới biết được. Hàng trung căn không thể biết, thì hàng hạ căn chẳng thể biết được. Thượng trí thì hàng hạ ngu cũng chẳng thể biết (Thượng trí tức báo thân Phật trí, Hạ ngu tức Nhị thừa và phàm phu. Nhị thừa phàm phu chưa thể biết chân trí của Phật).

Kinh Pháp Hoa ghi: “Giả sử tất cả chúng sinh trong cõi thế gian này đều như ngài Xá-lợi-phất, cùng dùng trí tuệ tư duy tính lường, thì cũng không thể biết được trí Phật”. Hàng hạ ngu không biết, hàng trung nhân chẳng liễu). Vì thế ứng theo vật khí mà hóa hình (Phân thân thành trăm ức, hóa độ Nhị thừa phàm phu, đó là diệu dụng của hóa thân). Tùy theo căn cơ của chúng sinh mà hiện chứng giác ngộ (Hiện thân Đại sĩ, hóa độ Bồ-tát Thập địa, đó là diệu dụng của tha thọ dụng thân), cũng như ánh sáng nơi hư không thì chiếu diệu đến vô cùng; ánh sáng của hạt châu trong thì chiếu soi có hạn. Về thân Phật quyền và thật thì có thể theo ví dụ trên mà hiểu được. Vì thế trong đoạn kinh sau ghi: “Toàn chúng hội chiêm ngưỡng Đức Đại Mâu-ni, chẳng có ai không phát sinh tín tâm thanh tịnh. Mỗi mỗi đều thấy Thế Tôn hiện trước mặt mình, đó là tướng bất cộng của Như Lai”.

Thân đã không khác, nhưng tùy nghi có ba; pháp cũng không có sai biệt, ứng theo cơ mà thành bốn. Giống như hạt châu như ý tùy theo người mong cầu mà mưa xuống báu vật; như trống trời, tùy theo chủ Thiên nghi đến mà tự phát ra âm thanh. Pháp có bốn là giáo, lý, hành, quả. Pháp tuy có muôn ngàn sai biệt, không vượt ra ngoài bốn loại này. Trình bày những điều ý đã hiểu gọi là giáo, điều được giáo dẫn bày là lý, theo lý tu tập là hành, chứng đắc do tu tập gọi là quả. Nhưng bốn pháp này mỗi mỗi tự nó không có hai, tùy theo duyên mà có khác, đồng thời cũng chung cho cả ba thừa, nên đoạn kinh sau có nói: “Phật dùng một loại âm thanh để nói pháp, nhưng chúng sinh tùy theo loại mà hiểu được, đều được thọ dụng, đạt được lợi ích, đây là pháp bất cộng của Như Lai”. Đó là từ một giáo, tùy duyên có ba, cũng là ý nghĩa “một trận mưa mà thấm nhuần tất cả” nói trong kinh Pháp Hoa. Ba thừa là ba loại cỏ, hai bậc Thánh là hai loại cây, sự sinh trưởng khác nhau, đó chính là giáo đồng mà căn cơ khác, thành ra có pháp ba thừa.

Kinh này lại nói: “Phật dùng một loại âm thanh để nói pháp, hoặc có người sợ hãi, hoặc có người vui mừng, hoặc sinh tâm nhằm chán xa lìa, hoặc đoạn nghi, đây là tướng bất cộng của Như Lai”.

Đây là từ lý chỉ một, theo duyên thành ba, như ý nghĩ “Tánh của sông chẳng khác mà cỏ, voi, ngựa qua sông lại khác” trong luận Bảo Tánh. Đây là lý thì đồng mà chứng ngộ có sai biệt, thành ra nghĩa ba thừa. Trong kinh Pháp Hoa nói về y phục, bàn ghế chỉ có một cửa, nên xuất xứ tuy khác, nhưng nhân lìa khổ nạn và lấy xe trâu đều giống nhau.

Kinh Thắng Man ghi: “Chánh pháp trụ, chánh pháp diệt, Ba-la-đề-mộc-xoa, Tỳ-ni, xuất gia, thọ giới cụ túc, sáu pháp này là Đại thừa, nên nói tạng là kinh và luận”. Khéo ngăn che gọi là trụ, trừ chướng nạn là diệt, bản lược của giới bản gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, bản đầy đủ của luật gọi là Tỳ-ni. Đây là pháp Tam tạng được học. Người học gọi là xuất gia, thọ cụ túc gọi là Nhị thừa, nhân pháp hợp chung thành sáu nơi. Đã nói: “đều là pháp Đại thừa cho nên thuyết”, vì thế biết pháp sở học của Tiểu thừa là nhân của Đại thừa, đây là hạnh đồng mà tu tập khác nhau. Đốn tiệm sai biệt nên có ba thừa. Kinh Pháp Hoa ghi: “Giữa đường lập hóa thành” là nơi để nghỉ ngơi, cho nên gọi là hai, đầu tiên dùng ba xe dụ dẫn, cuối cùng đều ban cho xe trâu, đây là quả đồng mà lập phương tiện có khác, thật giả khác nhau, cho nên có quả ba thừa. Vì thế nên biết rằng pháp tánh được chỉ bày thì không sai biệt, nhưng tùy theo duyên bên ngoài mà phân chia thành nhiều loại, do đây mà kinh

phát khởi lược có năm nhân; mà đâu biết làm cho chúng sinh khởi tâm thích hay chán.

Thích, chán có hai: Một là, bên trong thích và chán; hai là, bên ngoài thích và chán.

Bên trong thích, chán: chán nghĩa là nhàm chán thân sinh tử, thích tức ưa thích được thân Phật. Phẩm Phương Tiện ghi: “Lúc bấy giờ, Cư sĩ Vô Cấu Xưng dùng đại phương tiện hiện thân có bệnh, vì ông có bệnh, cho nên vua, quan, trưởng giả, cư sĩ và vô số ngàn người đều đến thăm bệnh. Lúc ấy, Vô Cấu Xưng bèn nói rộng giáo pháp. Ông nói rằng: “Này các nhân giả! Thân này do bốn đại chủng tạo thành, vô thường, không khỏe mạnh, không bền chắc, không có sức, yếu đuối, cho nên chóng sinh bệnh tật. Không thể tin tưởng nó được, thường bị khổ não hại, là vật chứa đựng các khổ, nhiều hoạn lụy, là pháp biến hoại. Này các nhân giả! Thân như thế, nên xa lìa, nhàm chán mà sinh tâm ham thích Như Lai. Thân Như Lai là do vô lượng pháp thiện tụ họp mà thành, do tu vô lượng phước đức thù thắng mà sinh, từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến mà sinh, cho đến nói rộng khắp; Này các nhân giả! Thân Như Lai có công đức như thế, các ông nên phát tâm cầu chứng đắc. Các ông muốn được thân Như Lai, thì nên dứt trừ tất cả bệnh cho loài hữu tình, khiến họ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhàm chán, xa lìa thân bệnh khổ, diệt gốc khổ làm cho họ ưa thích thân Phật, tu tập nhân Phật.

“Cho nên biết thị hiện bệnh hiển bày bất tư nghị là muốn khiến cho chúng sinh trong khởi tâm thích và chán. Vả lại khi việc đối luận đã xong, sắp trở về Am viên, thì đại chúng ở bên Phật, toàn thân đều ánh hiện sắc vàng, biết là thích và chán. Sau ấy được quả tức là ngoài tâm thích và chán. Chán nghĩa là xa lìa uế độ, thích tức là ưa thích thanh tịnh độ. Kinh này về tịnh độ thì có hai:

1. Bạc Thánh cõi này hiện.

2. Bạc Thánh cõi kia hiện.

- Uế độ cũng có hai:

1. Chúng sinh hiện.

2. Thích-ca hiện.

Suy xét trên dưới mà luận về thí chung của kinh thì cõi nước sở y có hai uế hai tịnh. Đầu tiên Phật ở tại vườn Am-la trong thành Quảng Nghiêm, tuyên thuyết diệu pháp cho đại chúng đồng nghe. Bảo Tích dâng lọng báu, tán thán Phật xin giải nghi, Phật hiện thần thông hợp các lọng báu để trả lời, chưa nói về nghĩa pháp là cõi nước thường trụ, nhân

đó mà nói Bảo Tích: “Nếu muốn tinh cần tu tập hạnh trang nghiêm cõi Phật thì trước nên tịnh tâm mình”.

Thu Tử nương vào oai lực của Phật mà nghĩ rằng: “Nếu tâm Bồ-tát tịnh thì cõi Phật tịnh, vậy Đức Thế Tôn ta khi còn Bồ-tát, tâm ngài chẳng thanh tịnh sao, mà cõi nước lại tạp uế như thế?”.

Đức Phật dùng dụ khó, cho nên ngài Thu Tử chưa hiểu, đến khi Trì Kế nói rộng thì mới ngộ được. Thế Tôn giải nghi cho đại chúng hoặc là dùng ngón chân ấn xuống đất, đại thiên biến thành cõi có vật báu trang nghiêm, ngài Thu Tử mới khen là việc chưa từng có. Bảo Tánh và năm trăm đồng tử đã chứng Vô sinh, tám vạn bốn ngàn chúng sinh nghe được liền sinh giác tuệ, hóa duyên đã xong, chúng hội đã kham nhận lãnh, Phật liền thu nhiếp thần thông thì thế giới trở lại như cũ. Sau đó Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường đến thăm bệnh ngài Vô Cấu Xưng, khi đối đáp xong thì trở về Am viên.

Phẩm Bồ-tát hạnh biểu thị nơi kia thị hiện việc khó bàn, mà Am viên biến thành rộng rãi, đến khi thuyết kinh chưa từng không có lời văn biến uế độ. Hiến bày việc nhằm chán uế độ mà ưa thích tịnh độ, cuối cùng ắt phải nên trang nghiêm cõi tịnh. Một và ba là hiện uế độ, hai và bốn là biến thành tịnh độ. Đầu tiên Thế Tôn tự biến ra cõi tịnh, sau đó ngài Tịnh Danh và Diệu Đức lại ngăn che cõi uế. Cho nên nói tịnh độ do bậc Thánh ở cõi này biến hiện, vì Phật và Tịnh Danh đều là bậc Thánh ở phương này.

Bậc Thánh ở cõi kia hóa hiện; bậc Thánh ở cõi kia gồm có hai:

1. Trong phẩm Hương Đài, khi ngài Thu Tử nghĩ đến bữa ăn, thì ngài Vô Cấu Xưng hiện thần thông. Ở phương trên, cách đây hơn ba mươi hai ngàn khắc-già-sa cõi Phật, có một thế giới tên là Diệu Hương, Đức Phật trụ ở cõi này hiệu là Tối Thượng Hương Đài. Tất cả vật ở thế giới này đều do mùi hương tạo thành, không có hàng Nhị thừa, chỉ có các bậc Đại Bồ-tát thanh tịnh. Bây giờ, các đại chúng ở cõi này đều thấy được các việc ở cõi Phật kia, liền có trăm ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề, mười ngàn Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhãn.

2. Phẩm Quán Như Lai thì nói hàng người căn cơ thấp không thể biết được bậc ở giai vị cao, ngài Thu Tử sinh nghi rằng Cư sĩ Vô Cấu Xưng này từ đâu sinh đến đây? Đức Phật liền nói: “Ở cõi Diệu Hỷ có Đức Như Lai Vô Động, ông Duy-ma vì độ chúng sinh ở cõi này mà đến đây”. Đại chúng tâm sinh khát ngưỡng muốn thấy cõi Phật Diệu Hỷ có các công đức trang nghiêm thanh tịnh kia và các vị Bồ-tát ở đó. Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng đoạn lấy cõi kia, nhanh như cắt, đặt vào bàn tay

phải, nhẹ nhàng như cầm tràng hoa, đưa vào thế giới này chỉ rõ cho đại chúng. Tuy hai cõi xen nhau cùng một nơi mà mỗi mỗi đều thấy quốc độ của mình vẫn không khác. Đức Phật bảo đại chúng rằng: “Muốn được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh như thế, thì các ông cần phải tu hành theo những pháp mà Như Lai Vô Động đã hành.” Lúc bấy giờ, có tám mươi bốn na-do-tha Trời, người phát tâm Vô thượng Đăng chánh giác, nguyện sinh sang cõi kia. Thế Tôn liền thọ ký cho tất cả sẽ được sinh.

Hai cõi này đều là do bậc Thánh ở cõi kia biến hóa ra, vì Phật Hương Đài và Vô Động đều là bậc Thánh ở cõi kia. Khiến cho chúng sinh khởi tâm nhàm chán uế độ chẳng tạo nhân ác, khiến chúng sinh khởi tâm ưa thích tịnh độ tu trì tịnh nghiệp, do đó mà biến hóa cõi nước hiện bất tư nghị. Muốn cho chúng sinh khởi sự nhàm chán và ưa thích bên ngoài, tức chúng sinh phạm phu nghe pháp tu học ắt lấy sự ham thích và chán ghét làm căn bản.

Trong kinh, việc bậc Thánh ở cõi này biến hiện cõi tịnh thì gồm có hai:

1. Đức Thích-ca tự biến.
2. Ngài Diệu Đức, Tịnh Danh muốn đến tham dự việc biến hóa.
 - Cõi tịnh được biến hóa ra cũng gồm có hai:
 1. Xa thì thấy cõi Diệu Hương.
 2. Gần thì thấy cõi Diệu Hỷ.
 - Uế độ cũng có hai:
 1. Do chúng sinh biến hiện.
 2. Do Đức Thích-ca biến hiện.

Phẩm Tựa ghi: Bảo Xá-lợi-phất rằng: Quốc độ của Thế Tôn ta thường tịnh như thế, nhưng vì muốn thành thực cho loài hữu tình thấp kém, cho nên mới thị hiện cõi nước như uế có vô lượng điều xấu ác vậy. Ví như chư Thiên cõi trời thứ ba mươi ba cùng có một loại bát ăn cơm, nhưng tùy theo phước lực chiêu cảm, mà màu cơm khác nhau. Nay Xá-lợi-phất! Vô lượng hữu tình cùng sinh vào một cõi Phật, nhưng tùy theo tâm tịnh uế mà chỗ thấy khác nhau. Vì thế cõi tịnh vốn là cõi của bậc Thánh, do thần lực mà khiến cho các loài hữu tình thấp kém, cũng biến thành tịnh, uế vốn là cõi uế của loài hữu tình thấp kém, bậc Thánh tùy thuận theo đó mà biến thành uế. Các thân độ này gồm có hữu lậu và vô lậu, hoặc chân thật hoặc tương tự, theo quả theo nhân, y phạm y Thánh, tự thức dị thức, tịnh uế được biến hiện theo như luận Duy Thức thì cùng ứng theo sự phân biệt.

- Bậc Thánh cõi này biến tịnh độ, lược có hai duyên:

1. Tức nghi cho Tiểu thừa.

2. Cảnh tỉnh quần mê.

Bậc Thánh cõi kia biến tịnh, đều là tất cả Như Lai biến uest độ, nhưng chỉ vì hàng Nhị thừa phạm phu, chẳng phải vì hàng Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao ngài Thu Tử sinh nghi, Như Lai tự biến tịnh độ; Tịnh Danh sắp đến, Diệu Đức dự biến đạo tràng?

Đáp: Giải nghi phá bệnh nên Như Lai biến cõi tịnh, cảnh giác quần mê, nên Diệu Đức dự biến trang nghiêm đạo tràng.

Hỏi: Cõi Diệu Hương thanh tịnh, vì sao ngài Tịnh Danh không chuyển đến, mà chuyển cõi Diệu Hỷ đến?

Đáp: Diệu Hương đang dùng cơm chỉ khiến cho thấy mà không mang về, cõi Diệu Hỷ hiện thần thông, nên cũng khiến cho thấy và mang đến cõi Ta-bà. Thần thông đều có lợi ích cứu độ, không chỉ ở một phương nào, hà tất phải mang đến đây, hà tất phải đều thấy hết.

Hỏi: Phật vốn tế độ quần sinh, lợi lạc có chán và thích, vì sao không cho thấy cõi tịnh được lâu hơn, mà chỉ tạm ngăn cách cõi uest.

Đáp: Cơ đã thành thực, duyên đã đến thì nên để cho tạm thấy cõi tịnh, nếu duyên chưa đến cơ chưa thành thực thì chưa ngăn cách được uest độ.

2. *Khiến cho hàng Nhị thừa có tâm lấy bỏ (thủ xả):*

Thủ xả có hai là nội thủ xả và ngoại thủ xả. Nội thủ xả: Xả tức là xả bỏ tâm Nhị thừa, thủ tức là giữ lấy trí Đại thừa. Chương có hai loại là phiền não chương và sở tri chương. Phiền não chương thì chương ngại Niết-bàn, sở tri chương thì chương ngại Bồ-đề. Thanh văn thì chỉ đoạn được phiền não chương đã vượt sinh tử mà chứng Niết-bàn, chẳng thể đoạn sở tri chương, nên chẳng được Bồ-đề, chẳng đạt các pháp, cho nên tâm phân biệt của Nhị thừa vẫn còn hiện hữu, do pháp thấp kém này mà hàng Thanh văn không thể thành tựu trí vô phân biệt, còn Bồ-tát thành tựu được là do pháp thù thắng này. Lý lẽ thủ xả, nghĩa đã rõ ràng vậy. Do đó Thu Tử ngồi im, thân tâm vắng lặng không lay động thì bảo hiện oai nghi mà thường trụ nơi định tịch diệt.

Ngài Mục-liên thuyết pháp lợi lạc các cư sĩ thì hiển thị pháp lý ngôn thuyết, mới thật là chân thuyết pháp. Âm Quang khát thực, đến nhà nghèo bỏ nhà giàu, thì nói tâm từ bi bình đẳng để phá chấp trước kia. Thiện Hiện ôm bát, thì nói tu hành nên nhập vào lý mới được nhận thức ăn. Mãn từ giảng thuyết giáo hóa hàng tân học Tỳ-kheo, thì bảo nên trao cho họ đại pháp, chớ dùng pháp Thanh văn. Tiển Thế theo

Phật, quyết trạch khổ không, vì sao lại dùng tâm phân biệt mà thuyết pháp thật tướng. Thiên nhân của Vô Diệt thấy khắp đại thiên, hạnh hữu vô đều nêu lên, ngay nơi định mà thấy thì mới gọi là đạt. Cận Chấp nêu lên tội của hai Tỳ-kheo, thì bị chê trách là chớ làm cho tâm họ ưu não. Tâm nhớ tức tội sinh, tâm tịnh thì tội cấu diệt. Chấp Nhật khen ngợi đức xuất gia, dụ dẫn các đồng tử kia, thì được dạy là xả bỏ phân biệt mà hành vô vi, đó là lợi ích của xuất gia. Thế Tôn hiện thân có bệnh, Khánh Hỷ nhân đó mà xin sữa, thì bảo là thân Phật vô lậu, khiến xả bỏ kiến giải Nhị thừa.

Trộm xét rằng khi xưa hội ngộ còn khuyên xa lìa tâm phân biệt hưởng gì hôm nay thị hiện có bệnh mà nói đại Phương đẳng, chẳng tán thán trí Bồ-tát, vì thế trong phẩm Vấn Tật, Bồ-tát Cát Tường sắp đến thăm bệnh, thì Tịnh Danh trước làm ngôi tượng thất trống không tức đã đồng với cõi Phật trong mười phương, cũng hiện cái không phân biệt kia. Trong phẩm Bất Tư Nghị, Thu Tử mong cầu tòa ngôi, thì bị trách mắng và bảo nên vì pháp, sau đó xin tòa của Phật Đẳng Vương, để Bồ-tát và Thanh văn ngồi, nói rộng về bất tư nghị chẳng phải là cảnh giới mà hàng Nhị thừa có thể luận bàn đến. Âm Quang nêu lên người mù bầm sinh để dụ cho mình liễu ngộ được pháp khó nghĩ bàn này. Phẩm Quán Hữu Tình, Thiên nữ rải hoa, thì hoa dính trên thân Thanh văn. Ngài Thu Tử cho rằng hoa không như pháp nên dùng hết thần lực để phủi, Thiên nữ liền nói: Hoa này như pháp, mà Tôn giả tự chẳng như pháp, hoa không phân biệt mà Tôn giả tự có phân biệt. Trong phẩm Hương Đài, ngài Thu Tử thấy giờ thọ trai sắp đến, tâm nghĩ đến thức ăn, thì liền xin cơm của cõi Hương đài, khuyên xả bỏ tâm Thanh văn. Cho nên Nhiếp Luận ghi: “Ba loại mài luyện, đoạn trừ bốn xứ, trừ tác ý của Nhị thừa, khiến người có tâm nghi thì dứt nghi.” Hễ có phân biệt liền mê cảnh, nếu dứt trừ phân biệt, thì sẽ thâm hợp với chánh lý. Nếu có phân biệt tức chưa khế diệu chỉ của chân tông, chẳng thể chứng Bồ-đề. Nếu vô phân biệt thì hội được chỗ cùng cực của huyền môn, mới thành đại giác. Cho nên biết thị hiện bệnh, hiện bất tư nghị là muốn làm cho hàng Nhị thừa khởi bên trong có chán thích, thân khổ lụy của Thanh văn tự tại diệt tận, cho nên bên trong có sự thích chán, chỉ nói trí tâm. Tâm phân biệt diệt thì cảnh vọng liền không, chánh trí đã sinh thì lý liền hiện.

Hỏi: Đại chúng theo đến rất nhiều, tại sao chỉ có một mình Thu Tử bị khuất phục bởi ngôn từ và nghĩa lý?

Đáp: Chúng Thanh văn tuy nhiều, nhưng chỉ có ngài Thu Tử là

bậc có trí tuệ cao, nêu lên đầu tiên để đối đáp, như thế thì biết các vị khác cũng phải khuất phục.

Bên ngoài thích chán, chán tức là nhằm chán muốn xa lìa uest độ, thích tức ưa thích cõi thanh tịnh. cõi Phật có ba:

1. Pháp tánh độ là nơi cư trụ của pháp thân, tức lý chân như.

2. Thọ dụng độ là nơi cư trụ của báo thân được các vật báu trang nghiêm.

3. Biến hóa độ, nơi cư trụ của hóa thân, uest tịnh không nhất định.

Văn kinh sau sẽ phân biệt rõ. Lại Diệu Đức và Tịnh Danh, đều biến Am viên thành tịnh, là để cảnh tỉnh chung cho chúng nghe pháp lúc bấy giờ, đâu chỉ giáo hóa riêng hàng Thanh văn, chỉ có trì kế đối đáp? Thế Tôn ấn ngón chân cõi đại thiên biến thành tịnh, bỗng chốc lại trở về như cũ, đó chỉ là hóa độ riêng cho Thanh văn, vì muốn dứt trừ tâm nghi cho ngài Thu Tử vậy. Tuy đại chúng cùng thấy, không phải chỉ có Thanh văn, nhưng bây giờ chỉ có một mình Thu Tử sinh nghi, cho nên các cõi này đều gọi là hiện, tức là đầu tiên hiện cõi tịnh, là vì khiến cho hàng Nhị thừa có tâm thích và chán bên ngoài, còn cõi hiện về sau này đều là vì tất cả. Sự việc cũng như trên, không cần phải luận đủ.

Vì tâm thanh tịnh cho nên cõi Phật cũng tịnh, tâm cấu uest thì cõi Phật cũng cấu uest, vì thế từ trên đến đây nêu lên thích chán, lấy bỏ đều là nói trong và ngoài.

3. Vì để hiển thị trong ngoài tu tập của Bồ-tát:

Pháp tu riêng của Bồ-tát tuy khó nêu lên nhưng tổng quát mà lược phân thì không ngoài hai loại: Nội tu và ngoại tu.

Nội tu tức trong thân mình để thành tựu công đức tự lợi, đó là đại trí, là thượng thủ.

Ngoại tu, tức ngoài tu hạnh lợi tha để thành tựu công đức lợi tha, tức đại bi, cũng làm thượng thủ.

Luận Thành Duy Thức ghi: “Tuy Bồ-tát tu tập tùy thuận theo ý thích của chúng sinh, nhưng cũng chung cho tự lợi và lợi tha; cứu độ chúng sinh tức vì tự lợi; tự mình tiến tu, là vì chúng sinh, nhưng tùy theo chỗ thù thắng mà hiển sáu pháp Ba-la-mật, các nghiệp tướng hảo, Bồ-đề phần... là hạnh tự lợi; sáu thần thông, bốn vô lượng, bốn nhiếp... là hạnh lợi tha.

Hạnh tự lợi thì phẩm Tựa kinh này trong đoạn tán thán công đức của Bồ-tát có ghi: “Thường được oai đức của chư Phật gia bị, khéo léo ủng hộ thành trì chánh pháp, thâm nhiếp chánh pháp, nối tiếp làm hưng

thạnh dòng giống Tam bảo chẳng cho đoạn tuyệt, cho đến giảng rộng... các việc làm, cũng chẳng mất. Hơn nữa Bảo Tánh hỏi về tướng tịnh độ”. Vì sao gọi là trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh? Thế Tôn đáp: ‘Tu hồi hướng độ, là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát được Bồ-đề, thì cõi nước đầy đủ các công đức trang nghiêm’. Hơn nữa phẩm Bồ-đề phần nói: “Tuy các Bồ-tát thực hành năm vô gián mà không có tâm sân hận, buồn bã, náo hại.” Bồ-tát Hiện Nhất Thiết Sắc Thân hỏi ngài Vô Cấu Xưng về cha mẹ, ngài Vô Cấu Xưng đáp: “Tuệ độ là mẹ Bồ-tát, phương tiện khéo léo là cha, thế gian là chân Đạo sư.” Tất cả do đây mà sinh. Tuệ độ thứ sáu (Tuệ ba-ba-mật) là đức tự lợi, phương tiện thứ bảy, là đức lợi tha. Trong phẩm Bồ-tát Hạnh nói về chín trăm vạn Bồ-tát phương trên bạch Đức Thích-ca rằng: “Cầu xin Thế Tôn ban cho một ít giáo pháp, để đem trở về bản độ”. Đức Thế Tôn nói: “Có một pháp môn giải thoát của các Bồ-tát tên là hữu tận và vô tận, các ông nên tu học, hữu tận tức là pháp hữu vi sinh diệt, vô tận là pháp vô vi không sinh diệt”.

Như thế tất cả công đức tự lợi đều là pháp mà hàng Bồ-tát, bên trong cần phải tu tập, tất cả đều lấy trí làm chủ. Sợ văn dài dòng cho nên trong phần nói về hạnh tự lợi chỉ nêu lên như thế, những nghĩa khác căn cứ theo đây cũng có thể hiểu được. Về hạnh lợi tha, phần tán thán công đức trong phẩm Tựa có nói rằng: “Dùng tiếng đại sư tử hống diễn thuyết, âm thanh vang xa cùng khắp mười phương, cho đến diễn thuyết khiến cho người thấy nghe đều được lợi ích. Sau đó Trưởng giả Bảo Tánh hỏi tướng của cõi Phật tịnh và việc Bồ-tát tu tướng cõi Phật tịnh.” Đức Phật dạy: “Các hữu tình độ là cõi Phật nghiêm tịnh của Bồ-tát, tùy theo sự tăng trưởng lợi ích của hữu tình mà nhiếp thọ cõi Phật nghiêm tịnh.” Trong phẩm Phương Tiện, tán thán Vô Cấu Xưng rằng: “Khéo léo nơi trí độ, thông đạt nơi phương tiện đại nguyện thành tựu viên mãn, thấu suốt được tâm ưa thích và sở hành của hữu tình.”

Phẩm Bồ-đề Phần ghi: “Tuy Bồ-tát thực hành nơi cõi của Diêm-ma vương mà lại gom tập tất cả phước tuệ rộng lớn làm tư lương.” Bồ-tát Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân hỏi ngài Vô Cấu Xưng về cha mẹ, thì ngài Vô Cấu Xưng nói: “Tuy biết cõi Phật và chúng sinh không, nhưng thường tu tịnh độ, làm lợi ích chúng sinh không biếng trễ”.

Phẩm Bồ-tát Hạnh, Bồ-tát ở phương trên cầu thỉnh Đức Thích-ca ban cho một ít pháp để đem về bản quốc. Thế Tôn dạy rằng: “Vì sao gọi là bất tận hữu vi? Nghĩa là Bồ-tát không bỏ đại từ chẳng lìa đại bi. Thế nào là bất tận vô vi?”. Tuy quán vô ngã nhưng không bỏ đại bi đối với hữu tình, đó gọi là Bồ-tát không trụ vô vi. Trên là nói về hạnh lợi tha, sợ

văn dài dòng nên chỉ nêu lên như thế mà thôi, các ý còn lại theo đó có thể hiểu. Như thế tất cả các công đức lợi tha đều là việc mà Bồ-tát, bên ngoài cần phải tu tập. Như thế phàm Thánh, luận chung đến và chưa đến, gồm thuyết đức và tướng, tất cả không ra ngoài bảy địa:

1. Chủng tánh địa.
2. Thắng giải hạnh địa.
3. Tịnh thắng ý lạc địa.
4. Hành chánh hạnh địa.
5. Quyết định địa.
6. Quyết định hành địa.
7. Đáo cứu cánh địa.

Trong bảy địa này thì địa đầu tiên chỉ có chủng tánh mà chưa tu, kể đến tuy có tu mà chưa chứng, năm địa sau tuy đều có chứng đắc, nhưng địa sau hơn địa trước.

Lại có mười Địa:

1. Trụ chủng tánh.
2. Dĩ thư nhập.
3. Vị tịnh ý lạc, chưa vào sơ địa.
4. Dĩ tịnh ý lạc, đã vào sơ địa.
5. Vị thành tựu, chưa đến cứu cánh địa.
6. Dĩ thành tựu, đã đến cứu cánh địa.
7. Vị quyết định, bảy địa trước, chưa thành thực.
8. Dĩ đọa quyết định, trụ địa thứ tám, chín.
9. Nhất sinh sở hệ, đến cứu cánh vị.
10. Tối hậu hữu, tức địa thứ mười.

Các việc tu hành của các bậc Bồ-tát này, về riêng có vô biên, nhưng tổng quát không ngoài bốn hạnh: Hạnh Ba-la-mật, hạnh Bồ-tát phần, hạnh các thần thông, hạnh thành thực hữu tình. Sợ văn rườm rà cho nên không nêu lên hết, đến đoạn văn sau, tùy chỗ ứng hợp sẽ giải thích riêng. Đây là pháp trong ngoài nên tu; nhưng hàng Bồ-tát có năm loại sinh:

1. Trừ tai sinh, các Bồ-tát có đại nguyện tự tại với hai loại lực dụng, khi có nạn đói kém nguy ách, thì có thể dùng một ít công sức mà cứu tế cho tất cả chúng sinh, lại sinh vào các loài như cá lớn... Với thân hình to lớn, dùng thịt của thân mình, ban phát cho tất cả những chúng sinh đói khát, hoặc trì thần chú hoặc làm cây thuốc quý, cứu các người bị dịch bệnh. Nếu nước bên cạnh có chiến tranh, thì có đủ thể lực để trừ tai nạn, nếu có hữu tình trái nghịch thì khuyên răn hòa giải, nếu có vua

ác bức bách thì sinh vào đó để điều thuận vua, nếu có kẻ tà kiến thì sinh vào cõi trời để dùng phương tiện đoạn trừ. Tất cả những điều trên đều thuộc về trừ tai sinh.

2. Tùy loại sinh, các Bồ-tát dùng đại nguyện tự tại, tùy thuận sinh vào các loài mà đứng đầu trong đó, dùng phương tiện dẫn dắt. Như họ làm việc ác mà mình chẳng làm, họ chẳng làm việc thiện mà mình lại làm, phương tiện khuyến bảo, trừ diệt tội lỗi cho họ.

3. Đại thế sinh, Bồ-tát lúc mới sinh thì thọ mạng hình sắc, tộc tánh đều tự tại và các quả dị thực như giàu có... đều thù thắng nhất trong thế gian.

4. Tăng thượng sinh, các Bồ-tát khi còn ở giai vị Sơ địa thì làm Chuyển luân vương, cai trị Nam Thiệm bộ châu; Địa thứ hai thì làm Kim luân vương làm vua bốn thiên hạ, Địa thứ ba thì làm vua cõi trời Đao-lợi, Địa thứ tư thì làm vua trời Dạ-ma; Địa thứ năm làm vua cõi trời Đổ-sử-đa. Địa thứ sáu thì làm vua cõi trời Lạc biến hóa. Địa thứ bảy thì làm vua cõi trời Tha hóa tự tại. Địa thứ tám thì làm vua cõi trời sơ thiên. Địa thứ chín thì làm vua trời Nhị thiên. Bồ-tát Địa thứ mười thì làm vua trời Đại tự tại, vượt qua trời Sắc cứu cánh làm vua trời Đệ tứ thiên, trong tất cả loại sinh, đây là loại đệ nhất. Không sinh vào Tứ Thiên vương vì cõi này không có vị chủ quản nhất định, không sinh vào trời Đệ tam thiên vì ở cõi này quá vui thú.

5. Tối thắng sinh, nghĩa là Bồ-tát, có tư lương Bồ-đề viên mãn, sinh vào nhà đại quốc sư dòng đại Bà-la-môn, hoặc sinh vào nhà đại quốc vương dòng Sát-đế-lợi, hay hiện đẳng giác làm những Phật sự, như kinh Bồ-tát Địa, quyển bốn mươi tám đã phân biệt giải nói đầy đủ.

Theo kinh Vô Cấu Xung thì năm loại sinh này, vì tài bảo vô lượng, cứu vớt kẻ bần cùng nên được gọi là Trừ tai sinh; nếu ở trong hàng trưởng giả thì làm bậc tôn quý nhất trong hàng trưởng giả, thuyết cho họ nghe pháp thù thắng nên được gọi là Tùy loại sinh; đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu cội công đức, nhân đã lớn thì quả chẳng nhỏ, cho nên gọi là Đại thế sinh. Hiện sinh chẳng thọ quả vị Thập vương cho nên chẳng phải là Tăng thượng sinh, tướng chẳng phải là Bồ-tát thân sau cùng cho nên chẳng phải là Tối hậu sinh. Hoặc chỉ là Tùy loại sinh, nhiếp phục tất cả các loài, làm bậc Thượng thủ, hóa độ hết thảy. Đó đều là do Bồ-tát trong ngoài tu tập tự lợi và lợi tha, có thể hiện các việc này là các Bồ-tát có loại như thế, có sinh như thế để thực hành lợi ích. Cho nên trong phẩm Hương Đài ở kinh này có ghi: “Vô Cấu Xung nói với các Bồ-tát ở phương trên rằng: Như thế, các vị Đại

sĩ, Đức Thích-ca Như Lai có thể vì việc khó mà ẩn giấu công đức vô lượng tôn quý, chẳng kể công lao, phương tiện điều phục những chúng sinh cương cường. Các Bồ-tát sinh vào cõi này, cũng phải kham chịu các khổ nhọc để thành tựu tâm đại bi kiên cố tinh tấn trợ giúp hoằng dương chánh pháp vô thượng của Như Lai, làm lợi ích hữu tình; kham nhận thế giới này, thực hành hạnh Bồ-tát, lợi ích chúng sinh; trụ ở một đời này tu tập đạt được công đức, còn nhiều hơn công đức lợi lạc hành hạnh Bồ-tát trong trăm ngàn kiếp ở tất cả thế giới Diệu Hương, vì ở thế giới này có mười loại tu tập thiện pháp, đó là dùng tuệ thí nhiếp kẻ bần cùng, cho đến dùng bốn nhiếp, nhiếp phục chúng sinh. Tuy biết tất cả Bồ-tát đều tu tập hai hạnh trong ngoài nhưng kinh này chỉ hiển bày việc Bồ-tát ở cõi này tu tập hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, hơn cả những cõi Phật khác.

4. Hiển oai đức to lớn của Như Lai:

Thánh đức của chư Phật tuy có trăm ngàn, nhưng không ngoài hai loại là Đại oai lực và Đại thần đức.

Oai lực có ba: Thánh oai lực, Pháp oai lực và Câu sinh oai lực.

Thánh oai lực nghĩa là khi xưa Phật tu tập định lực, nay cũng nương vào sức định đó mà được định tự tại, rồi tùy theo ý muốn mà thành tựu tất cả các việc. Vì điều nhu, khéo léo tu tâm cho nên gọi là Thánh oai lực.

Pháp oai lực, nghĩa là khi xưa Bồ-tát tu tập sáu độ... là các pháp thù thắng, vì có quả rộng lớn, có lợi lạc rộng lớn, cho nên gọi là pháp oai lực.

Câu sinh oai lực nghĩa là khi xưa, đầu tiên Đức Phật tích tập các phước đức tư lương, chứng đắc pháp câu sinh rất kỳ đặc, nên gọi là Câu sinh oai lực.

Đầu tiên, Thánh oai lực là sáu thần thông:

1. Thần cảnh trí tác chứng thông.
2. Tùy niệm tức trụ trí tác chứng thông.
3. Thiên nhĩ trí tác chứng thông.
4. Kiến tử sinh trí tác chứng thông.
5. Tri tâm sai biệt trí tác chứng thông.
6. Lưu tận trí tác chứng thông.

Thần cảnh thông lại có hai là năng biến và năng hóa, biến nghĩa là thay đổi cái đã có từ trước, tức mười tám thần biến: Chấn động, sáng soi, lưu bố, thị hiện, chuyển biến, đến, đi, co, duỗi, các ảnh tượng nhập

thân, đồng loại đều đến, hiển, ẩn, việc làm tự tại, chế phục các thần thông khác, ban cho biện tài, ban cho sự nhớ nghĩ, ban cho sự an lạc, phóng ánh sáng.

Hóa, tức chưa có mà làm cho có, tức là ba loại hóa: Hóa thân, hóa cảnh và hóa ngữ.

Như trên đã nói, hai loại biến hóa là vì hai việc:

1. Dẫn dắt chúng sinh vào Thánh giáo của Phật.
2. Ban ân tuệ cho tất cả chúng sinh thọ khổ.

Thần thông của chúng sinh chỉ có đến hai ngàn, thần thông của Độc giác thì đến ba ngàn, thần thông của Như Lai thì trong một niệm có thể biến khắp mười phương. Thần thông của Bồ-tát Sơ địa đạt đến một trăm cõi Phật, cho đến Bồ-tát Địa thứ mười thì tùy theo phẩm loại mà có số lượng nhiều hay ít, như kinh Thập Địa có nêu lên phần hạn đó; đến như Lưu tận thông thì Nhị thừa chỉ có thể đoạn được các lậu chứng hiện mà chẳng đoạn được các lậu thô nặng, chỉ biết được Tự lậu tận mà không biết Tha lậu tận và phương tiện lậu tận, chẳng biết được người khác ở nơi lậu tận có Tăng thượng mạn. Còn Như Lai thì có thể liễu tri được Tự lậu tận, Tha lậu tận và phương tiện lậu tận, cũng có thể biết được người khác có Tăng thượng mạn, còn tự mình thì không nhiễm ô, cũng có thể vì người khác khéo léo phân biệt các Tăng thượng mạn. Đó là luận về ba loại thần biến.

Phần tựa kinh này ghi: “Bảo Tánh và năm trăm trưởng giả hiển cúng lọng báu, Đức Phật hợp làm một, che phủ cả đại thiên”, đây thuộc về chuyển biến thứ năm trong mười tám biến. Chuyển nhiều thành ít, tức là biến thứ tám, duỗi tức khai triển nhỏ thành lớn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết đại chúng còn do dự, bèn ấn ngón chân lên mặt đất, tức thời cõi tam thiên đại thiên có vô lượng trăm ngàn vật báu trang nghiêm, đây thuộc về chuyển biến thứ năm. Căn cứ theo sự thật thì chỗ thấy của Bồ-tát vốn là cõi tịnh, còn Nhị thừa và phàm phu thấy là cõi uế. Nay vì hàng Nhị thừa... mà biến cõi uế thành cõi tịnh, đây cũng thuộc về chuyển biến thứ năm, trở về lại cõi uế thì cũng như thế. Vì do Phật có thắng giải nên có thể chuyển biến.

Trong phẩm Vấn Tật thì ngài Vô Cấu Xưng dùng đại thần lực, làm cho trượng thất trống không, không có vật gì, chỉ đặt một chiếc giường để nằm hiện bệnh, đây thuộc về biến mười hai là ẩn trong mười tám biến. Ẩn dấu các vật đã có, làm cho không hiện hữu.

Trong phẩm Bát Tư Nghị, khi ngài Thu Tử mong cầu tòa ngồi thì bị trách cứ và bảo nên vì pháp. Sau ngài Vô Cấu Xưng hỏi Bồ-tát Diệu

Cát Tường cõi Phật nào có tòa báu, Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời là cách đây ba mươi sáu hằng hà sa cõi Phật về phương Đông, có một cõi Phật tên là Sơn tràng, Đức Phật trụ ở cõi này hiệu là Sơn Đăng Vương, thân Phật cao tám mươi bốn ức du-thiện-na, tòa sư tử của ngài cao sáu mươi tám ức du-thiện-na, thân của Bồ-tát cao bốn mươi hai ức du-thiện-na, tòa cao ba mươi bốn ức du-thiện-na, các tòa này đều rất đẹp đẽ. Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xung liền phát khởi đại thần thông, thì liền thấy Đức Phật Sơn Đăng Vương dời ba mươi hai ức tòa sư tử lớn vào trong trượng thất của ông Duy-ma-cật. Việc này thuộc về biến thứ sáu đến đi trong mười tám biến, cũng là biến mười ba việc làm tự tại. Vì nghĩ đến liền đến được tùy ý, tự tại. Ngôi trượng thất của ngài Vô Cấu Xung bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, đây là thuộc về biến thứ tám là duỗi, vì biến nhỏ thành lớn, tức có thể dung chứa ba mươi hai ức tòa sư tử mà không ngăn ngại. Thành lớn Quảng Nghiêm cho đến các cung điện của A-tổ-lạc... cũng không bị ép chặt, vẫn thấy y như cũ, trước sau không khác. Đây là thuộc về biến thứ chín, các hiện tượng nhập vào thân, các hiện tượng chẳng nhỏ, thân cũng chẳng lớn, cho nên thuộc về biến này. Vì lấy thân làm chủ cho nên lấy thân đặt tên cho biến này. Hiện tượng lớn nhập vào trượng thất là thuộc vào loại này. Còn khiến các Bồ-tát mỗi mỗi tự biến thân mình cao bốn mươi hai ức du-thiện-na để lên tòa sư tử là thuộc về biến thứ tám là duỗi, vì làm cho ngắn thành dài. Ngài Vô Cấu Xung nói với Xá-lợi-phất rằng: “Chư Phật Như Lai trụ nơi giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, có thể đem núi Diệu cao nhét vào hạt cải, rót nước biển vào sợi lông, đặt đại thiên giới vào lòng bàn tay, ba việc này, thì hai việc lớn nhỏ không tăng giảm, tức là các ảnh tượng nhập vào thân, hoặc kéo bảy ngày thành một kiếp, đây là biến thứ tám kéo ra. Tức kéo ngắn thành dài, hoặc rút một kiếp thành bảy ngày, đây là biến thứ bảy, co, rút lại, tức rút dài thành ngắn. Như thế tất cả đều trụ nơi giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Thần lực của Phật nói rộng như dưới đây, đều nằm trong mười tám thần biến cả.

Ba loại hóa nhiếp, phẩm Quán Hữu Tình nói Thiên nữ rải hoa, hoa là cảnh hóa hiện ra trong Thần cảnh trí thông, vì hóa làm sắc hương... Việc hy hữu thứ nhất trong tám hy hữu nói rằng: Ngôi trượng thất này thường có ánh sáng màu vàng rờn chiếu soi, tức là biến thứ mười tám, phóng ánh sáng, cho đến điều hy hữu thứ tám là nói ngôi thất này thường hiện tất cả cõi Phật có công đức trang nghiêm và các cung điện của chư thiên được các loại báu vật trang sức. Đây là thuộc về chuyển biến, hoặc cũng cho là thuộc về biến các ảnh tượng nhập thân.

Trong phẩm Hương Đài thì hóa làm Bồ-tát, lên cõi Diêu Hương xin cơm của Phật và cùng với chín trăm vạn Bồ-tát đến cõi này, đây là biến thứ sáu, đến đi. Toàn thể đại chúng đều thấy các việc Bồ-tát đến cõi kia... đây là biến thứ tư, thị hiện, tức là thị hiện việc ở cõi kia khiến đại chúng cùng thấy. Hóa chín trăm ức tòa ngời tức là Hóa cảnh, vì vốn đã không mà hiện nay có. Đại chúng ăn cơm mà còn thừa, thuộc về duỗi, tức là làm ít thành nhiều. Như thế nói rộng ra đến việc của Phật Bất Động đều thuộc về mười tám thần biến này. Văn sau cũng nên như thế mà phối hợp riêng. Những điều nói trên đều là oai lực thần thông của bậc Thánh.

Kế đến là nói về oai lực của pháp; do khi xưa Bồ-tát tu tập oai lực của sáu Độ, nên hay hiện bốn tướng là Đoạn chướng, Tư lương thành tựu, Lợi ích tự tha và Đương lai chứng quả.

Do Bồ thí mà đoạn trừ tâm bồn sển, có thể lấy đó làm tư lương cho Bồ-đề của chính mình, lại trừ được đói khát dịch bệnh, nghèo khổ cho người khác, mai sau giàu sang, đạt được vị đại lộc tài bảo và đại bằng đẳng quyền thuộc, cho đến do Bát-nhã mà đoạn được vô minh làm tư lương cho chính mình; có thể dùng bốn nhiếp để thành tựu cho chúng sinh, như đã giác ngộ, dẫn đến được niềm vui an lạc thanh tịnh, vì tất cả hữu tình mà như lý thuyết pháp, khiến cho được lợi ích an lạc ở hiện đời và mai sau, gồm nhiếp các thiện căn, chân chánh đối với việc làm, vị lai sẽ chứng quả nhị chương ly hệ. Tùy theo thứ tự phối hợp với bốn tướng, vô minh, keo lận của thế gian đều đoạn trừ, cho đến lộc vị tài bảo, bằng đẳng quyền thuộc, nhiếp vào thiện căn, chứng quả ly hệ. Đây là hiển bày oai lực của pháp thiện.

Cuối cùng là, Câu sinh oai lực, nghĩa là tánh có thể nhớ nghĩ đến các việc bản sinh..., tự tại vì các loài hữu tình mà kham nhận những khổ não lớn, hết thọ mạng ở trời Đổ-sử mới nhập diệt. Thọ mạng, hình sắc, danh tiếng đều vang xa. Hạ sinh nhân gian vào thai thì phóng quang chiếu cùng khắp, nhập, trụ, xuất thai thì ba thời đều biết; vừa sinh ra đi bảy bước, không cần nâng đỡ; trời rồng có oai đức, rải hoa cúng dường, tướng hảo trang nghiêm thân, phá diệt các ma oán, các chi đều đầy đủ, có sức mạnh của trời Na-la-diên, tướng hài nhi vẫn tự nhiên thấu đạt được công xảo minh; không thầy chỉ dạy mà chứng được Vô thượng Bồ-đề; Đại phạm Thiên vương tự nhiên khuyến thỉnh; mây chớp kinh hoàng mà nhập định chẳng lay động; loài nhuyển động đều quy hướng tín kinh Bồ-đề; đã thành Phật rồi thì dưới đến loài bàng sinh cũng đến cúng dường; rồng mây thường dò ngóng, tắm rửa liên tuôn mưa; khi đi

chẳng lia tòa; cành lá của cây đều tỏa bóng che mát thân thể, chưa từng thiếu sót, sáu năm ma tìm cầu chẳng được, những kẻ động kinh tán loạn thấy được liền trở lại tâm bình thường, nghịch thai thì được thuận, người mù thì được sáng, kẻ điếc lại nghe được, ba độc trừ diệt, thường nằm nghiêng bên hông phải, ngồi nơi tòa cỏ, chưa từng động loạn, tuy hiện ngủ nghỉ mà không chuyển mình, gió chẳng lay động y, đi như dáng sư tử, khi đi chân phải bước trước chân trái bước sau, thế như trâu chúa, tùy theo đất cao thấp mà bàn chân đều tiếp xúc đầy đủ, chẳng ngại sỏi đá, cửa thích ứng theo lớn nhỏ, thức ăn đều nghiền nát, khi Niết-bàn, mặt đất chấn động, các vì sao mất ánh sáng, xen nhau rơi rụng, các việc như thế gọi là Câu sinh oai lực, chẳng phải do thần thông oai lực tạo ra.

Kinh này đã trình bày đầy đủ oai lực thần thông năm vị Phật Hương Đàn, Đăng Vương, Vô Động, Dược Vương, Thích-ca, còn những vị khác thì tùy sự ứng hiện mà có, không có một tiêu chuẩn nhất định, chẳng thể nhất nhất phải hiển thị những việc như thế, đến văn sau sẽ nói rộng hơn.

Đại Thánh đức, tức là hiển thị mười hiệu viên mãn của Như Lai. Nhị đoạn nhị trí gọi là đại Thánh đức. Nhị đoạn tức là đoạn tập khí phiền não chướng và đoạn tập khí sở tri chướng, tức hai chướng tận trừ, chân lý được hiển bày do nơi đoạn chướng, vì đoạn tánh cho nên gọi là đoạn nhị trí: Đã đoạn phiền não chướng rồi thì trí chẳng tùy chuyển, tức trí sinh không; đã đoạn sở tri chướng rồi thì đối với tất cả cảnh trí không chướng ngại tức là trí pháp không. Lại có thể nêu ba trí là Thanh tịnh trí, Nhất thiết trí và Vô tuệ trí. Lại Phật có một trăm bốn mươi pháp bất cộng đó là ba mươi hai tướng quý, tám mươi vẻ đẹp phụ, bốn tất cả loại thanh tịnh, bốn Vô sở úy, ba Niệm trụ, ba chẳng hộ đại bi, mười Lực, pháp không quên sót, tập khí vĩnh viễn đoạn trừ, Nhất thiết chủng diệu trí và Phật vô tránh nguyện trí, Vô ngại giải thoát. Như thế đều là pháp của đại Thánh đức.

Như Luận Du-già quyển bốn mươi tám, bốn mươi chín đã phân biệt hiển bày thể nghĩa của các công đức này. Nay kinh nêu lên bảy loại tối thắng gọi là đại Thánh đức:

1. Sở y thắng, tức hiển thân Phật có tướng quý và vẻ đẹp phụ.
2. Chánh hạnh thắng, Phật có hai điều lợi, lợi ích an lạc, thương xót thế gian, khiến cho trời người cùng đạt được lợi ích.
3. Viên mãn thắng, tức giới, kiến quý tặc và tịnh mạng của Phật đều đầy đủ.
4. Trí tuệ thắng, do Phật thành tựu bốn Vô ngại giải.

5. Oai lực thắng, vì có sáu thân thông.
6. Đoạn thắng, tập khí hai chương đều đoạn trừ.
7. Trụ thắng, trụ ở ba trụ vô thượng vô đẳng.

Nghĩa là Thánh, Thiên, Phạm trụ; tam Giải thoát môn và Diệt tận định gọi là Thánh trụ thì phần nhiều trụ ở diệt tận định.

Bốn tĩnh lực gọi là Thiên trụ, thì phần nhiều trụ ở tĩnh lực thứ tư vô động; bốn vô lượng gọi là phạm trụ, thì trụ ở đại bi.

Do ngày đêm sáu thời dùng Phật nhãn quán xét thế gian, biết người nào đối với thiện căn có tăng có giảm và đạt Tam thừa. Từ đầu đến cuối của kinh này đều hiển thị bảy món thù thắng này đó gọi là đại Thánh đức, oai lực và Thánh đức gọi chung là Như Lai oai đức thứ tư.

5. Chúng đương thời căn cơ thành thực nên nghe:

Phật dùng mắt đại bi trí, ngày đêm sáu thời quán xét thế gian, phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh, không có bốn lỗi: Không phi xứ, không phi thời, không phi pháp, không phi khí.

Như kinh này đã ghi: “Những oai nghi, đi đứng, chỗ sắp đặt thực hành, đều là Phật sự cho nên thuyết kinh này, chúng đương thời nên nghe” chẳng phải là hư dối lập bày không có lợi ích người nghe. Kinh này gồm có mười ba vị lợi ích. Vả lại, phẩm Tựa, nhân nói tướng nghiêm tịnh của cõi Phật thì năm trăm trưởng giả được vô sinh nhẫn, tám mươi bốn ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ba mươi hai ngàn trời người biết được pháp hữu vi là vô thường, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, tám ngàn Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

Phẩm Phương Tiện, ngài Tịnh Danh hiện bệnh nhân có người hỏi mà thuyết pháp, có vô số trời người, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác. Trong hai phẩm Thanh Văn và Bồ-tát, đầu tiên gặp Tịnh Danh, tuy lúc bấy giờ nghe mỗi người đều có đặc đạo, Phật bảo đi thăm bệnh thì đáp là không đặc đạo. Trong phẩm Vấn Tật, nhân nghe đàm luận nhau mà tám ngàn Thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phẩm Bất Tư Nghị, ngài Ca-diếp nêu lên các người mù bẩm sinh để dụ cho chính mình không liễu ngộ được pháp môn giải thoát, thì ba mươi hai ngàn Thiên tử phát tâm vô thượng chánh đẳng giác, tám ngàn Bồ-tát nhập vào trí phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, nhập vào cảnh giới giải thoát bất khả tư nghị sở nhập. Phẩm Quán Hữu Tình, phẩm Bồ-đề Phần chẳng nói đặc đạo. Phẩm Nhập Pháp Môn Bất Nhị thì nói năm ngàn Bồ-tát vào pháp môn Bất nhị; phẩm Hương Đài nói mười việc thù

thắng hơn các cõi Phật khác thành tựu tám pháp, sinh về tịnh độ, thì năm ngàn Thiên tử phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn Bồ-tát được Vô sinh nhẫn.

Phẩm Bồ-tát Hạnh thì nói chín trăm vạn Bồ-tát ở phương trên nghe được pháp hữu tận vô tận thì vui mừng, dùng hương hoa vi diệu rải khắp đại thiên giới cúng dường Phật pháp và Bồ-tát rồi tự nhiên biến mất ở đây mà trở về cõi nước kia. Phẩm Quán Như Lai, nhân thấy thế giới Diệu Hỷ và Vô Động Như Lai mà mười bốn na-do-tha người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, nguyện sinh sang cõi nước kia, Phật thọ ký sẽ được sinh. Phẩm Pháp Cúng Dường, phẩm Chúc Lụy thì chẳng nói đến đắc đạo.

Hai, Tông chỉ của kinh:

Đức đầu tiên ở phương này là y cứ theo nghĩa chỉ của các kinh luận hiện có mà tổng quát lập bốn tông:

1. Lập tánh tông, thành lập pháp Tam khoa đều có thể, đó là Tát-bà-đa bộ, tức Ca-diên, Tạp tâm và Bà-sa.

2. Phá tánh tông, cho các pháp chỉ có tướng mà không có thật tánh, phá thuyết lập tánh nêu trên, như luận Thành Thật.

3. Phá tướng tông, cho rằng các pháp không chỉ không có thật tánh mà tướng trạng cũng chẳng thực có, như các kinh Bát-nhã... Trung luận, Bách luận...

4. Hiện thật tông, cho rằng tất cả pháp thật có đạo lý, chỉ tùy theo chỗ thích ứng mà có không có hữu, các kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Lăng-già... đều thuộc tông này.

Nếu các kinh luận chỉ có như thế, có thể định làm bốn Tông thì chỉ như kinh A-hàm xưa ghi: “Khi Xá-lợi vào Niết-bàn thì trời Vô sắc than khóc nước mắt rơi như mưa xuân”. Kinh của Đại chúng bộ thuộc tông nào; kinh Phạm Võng Lục Thập Nhị Kiến, Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm, giáo của Chánh lượng bộ, luận Tam-di-đế, các luận của Thượng tọa bộ, các kinh luận ấy đều chẳng thuộc bốn tông đâu được chỉ tổng gom có bốn tông? Nay căn cứ theo các kinh luận mới phiên dịch, tổng y theo các giáo, thì phân loại giáo có ba; dùng lý để nêu tông, thì tông gồm có tám. Giáo có ba, quyển hai kinh Giải Thâm Mật nói, Thế Tôn vì Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh nên nương vào Biến kế sở chấp thể tướng không mà thuyết tướng vô tự tánh tánh, y vào y tha khởi không có Biến kế sở chấp tự nhiên sinh mà thuyết sinh vô tự tánh tánh, nương vào Viên thành thật không có Biến kế sở chấp mà thuyết Thắng nghĩa sinh, nói Tam vô tánh

đều y cứ vào nghĩa không có Biến kế sở chấp.

Thắng nghĩa đã sinh thì lãnh ngộ sâu xa, nói rộng về các ví dụ như thuốc Tỳ-thấp- phược của thế gian, như các thứ bột màu, thực tô, hư không... xong Thế Tôn liền tán thán việc khéo lãnh ngộ lời chỉ dạy. Bồ-tát Thắng nghĩa sinh lại bạch Đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vào thời kỳ đầu tiên ở tại rừng Thi lộc, nơi mà tiên nhân Bà-la-ni-tư bị đọa, Đức Thế Tôn vì những người cầu Thanh văn thừa mà dùng tướng bốn đế để chuyển pháp luân, tuy là rất kỳ đặc, rất hy hữu, tất cả trời người... trong thế gian, đầu tiên không ai có thể như pháp mà chuyển, nhưng pháp luân được chuyển ở thời kỳ này còn có hạn lượng, chưa phải là liễu nghĩa, là nền móng của sự tranh luận. Bạch Thế Tôn! Trong thời kỳ thứ hai, Thế Tôn đã vì những người phát tâm cầu Đại thừa, nên y cứ theo lý “Các pháp đều không tự tánh, không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng tự tánh Niết-bàn”, dùng tướng ẩn mật để chuyển pháp luân, tuy càng kỳ lạ, càng rất hy hữu, nhưng pháp luân chuyển lúc bấy giờ cũng có pháp cao hơn, còn có chỗ để dung nạp, chưa phải là liễu nghĩa, cũng là nền móng cho sự tranh luận. Bạch Thế Tôn! Vào thời kỳ thứ ba, Thế Tôn vì những người thú hưởng Nhất thiết thừa, mà y cứ theo lý “. Tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sinh vô diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn, không có tự tánh tánh”, để liễu rõ tướng chuyển pháp luân. Đây là giáo kỳ đặc đệ nhất, rất hy hữu. Pháp luân mà Thế Tôn chuyển ở thời kỳ này thật không có giáo nào hơn nữa, không có gì để dung nạp được, là chân liễu nghĩa, chẳng phải là nền tảng của sự tranh luận. Tức là trong kinh Quang Minh nói ba loại pháp luân: Chuyển, chiếu, trì. Đầu tiên Thế Tôn thuyết Tam thừa cũng tu hành hữu giáo bốn đế, gọi là chuyển pháp luân, vì chuyển mười hai hành tướng nên chỉ gọi là chuyển. Thời thứ hai, Thế Tôn thuyết Đại thừa chỉ hành lý không chiếu phá hữu, cho nên gọi là chiếu pháp luân. Thời thứ ba, thuyết về phá chấp không, còn hai tánh hữu, hạng người Tam thừa đều có thể tu trì, cho nên gọi là trì pháp luân.

Cũng như trong kinh Niết-bàn nói: “Như có một vị thầy thuốc, đầu tiên cho người bệnh uống sữa để trừ bệnh, nhưng do uống sữa người trong nước chết nhiều, một vị thầy thuốc khác khuyên vua nên bảo mọi người không dùng sữa, người trong nước đều hết bệnh, sau vua có bệnh, thầy thuốc lại hòa thuốc vào sữa cho vua dùng. Vua vặn hỏi, thầy thuốc đều nói: có bệnh nên uống sữa, có bệnh không nên uống sữa. Bệnh này nên hòa thuốc vào sữa để trị nên không có lỗi.” Cũng như Tam thời giáo nói trong luận Du-già vậy. Tuy biết chỉ một trận mưa mà nhuần

thấm khắp cả, tức giáo thật không sai biệt, nhưng tùy theo căn cơ mà thành ẩn hiển, giáo đã có ẩn hiển tức chỉ nói không hữu mà chẳng phải là trung đạo, không hữu mà giáo trung đạo nói không có ẩn hiển. Ở đây tuy có dẫn văn nhưng chưa phân biệt thuộc vào giáo nào. Thế nào là ba thời giáo này:

1. Chỉ thuyết pháp hữu tông, tức các giáo vào thời kỳ đầu như A-hàm... căn cứ theo hàng tiểu cơ mà phá chấp ngã, nói không có ngã của hữu tình, chỉ nói nhân của pháp. Tuy có mười hai bộ chấp khác nhau, nhưng đầu tiên theo hàng tiểu cơ mà nói pháp cơ.

2. Chỉ thuyết pháp không tông, tức các giáo ở thời thứ hai như Bát-nhã... theo căn cơ Đại thừa, phá chấp pháp, nói tất cả pháp vốn vô tánh.

3. Đoạn trừ chấp hữu không, đồng thời thuyết hữu không tông, tức các giáo Hoa Nghiêm, Thâm Mật, Niết-bàn, Pháp Hoa, Lăng-già, Hậu Nghiêm, Thắng Man...

Xưa ngã pháp được chấp là có, hữu vi, vô vi thì đều không, nay nói ngã pháp được chấp là không, hữu vi vô vi là có, cho nên hữu không đều đoạn, mà không hữu đồng nói đến, theo lý phối hợp với kinh, thì hai Sư dẫn khác nhau, tức là thời giáo thứ hai và thứ ba. Các Sư Trung luận và Bách luận phần nhiều chỉ dẫn dụng giáo thuyết không. Nay giải thích chẳng phải như thế, giáo trung đạo chân chánh thì dùng lý để làm căn cứ cho tông. Tông thì có tám:

1. Ngã pháp câu hữu tông, Như Độc Tử Bộ nói ngã pháp đều có, lập ba tụ pháp là hữu vi tụ, vô vi tụ và phi nhị tụ. Hai tụ trước thuộc pháp, tụ thứ ba thuộc ngã. Lại lập năm pháp tạng là quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết, đây cho rằng ngã bất khả thuyết, là hữu vi vô vi.

2. Hữu pháp vô ngã tông, tức là Tát-bà-đa bộ... thuyết các pháp thuộc về hai loại là danh và sắc, hoặc thuộc về bốn loại là quá khứ, hiện tại, vị lai và pháp vô vi, hoặc thuộc năm loại là tâm, tâm sở, sắc, bất tương ứng, vô vi, cho nên tất cả pháp đều thật có.

3. Pháp vô khứ lai tông, tức Đại chúng bộ... thuyết có pháp hiện tại và vô vi, còn quá khứ và vị lai thì không có thể dụng.

4. Hiện thông giả thật tông, tức Thuyết giả bộ... nói không có quá khứ và vị lai, còn các pháp trong hiện tại, nơi uẩn thì thật, nơi giới xứ thì giả, các pháp tùy thích ứng mà giả thật không định được. Các sự thành thật... và các sự khác của kinh bộ tức thuộc về tông này.

5. Tục vọng chân thật tông, tức Thuyết xuất thế bộ... cho thế tục

đều là giả vì hư vọng, pháp xuất thế là thật vì chẳng phải hư vọng.

6. Chư pháp dẫn danh tông, tức Nhất thuyết bộ cho rằng tất cả ngã pháp chỉ có giả danh, không có thật thể.

7. Thắng nghĩa giải không tông, tức các Luận sư Thanh Biện... cho rằng các kinh nói về nghĩa không là liễu nghĩa, nói tất cả pháp thế tục là có, còn thắng nghĩa thì đều không.

8. Ứng lý viên thật tông, tức các luận sư như Hộ Pháp... hoằng dương các kinh Hoa Nghiêm, Thâm Mật... tuy nói Nhị đế, nhưng tùy chỗ thích ứng, đều có lý không, viên mãn vì diệu không thiếu sót, chân thật thù thắng.

Nay kinh này không thuộc về sáu tông trước, hai tông sau thuộc Đại thừa, cho nên biết kinh này thuộc về hai tông này. Nếu căn cứ theo nghĩa Đại thừa thứ nhất của Thanh Biện thì kinh này, chỉ nói nghĩa Nhị đế, căn cứ theo Thắng nghĩa đế thì lấy không làm tông, vì thế mười vị đại đệ tử đều dùng nghĩa không để cật vấn, lời nói của họ đều bị khuất phục. Bốn vị Đại Bồ-tát cũng dùng lý không chân như để trình bày, thì đều nói là không thể đối đáp, biện lý được. Ngài Cát Tường thăm bệnh, trước tiên làm cho phương trượng đều trống không, lại nói cõi nước của chư Phật, tất cả cũng đều không, không có sự phân biệt kia, chân không cũng không. Hơn nữa, phẩm Quán Chúng Sinh nói rằng: Ví như nhà huyền thuật thấy việc huyền hóa, Bồ-tát quán chúng sinh cũng như thế, cho đến như lửa không khói... vì thế kinh này tuy luận về nhị đế, nhưng thắng nghĩa rất sâu xa, vì lấy nghĩa làm chủ cho nên đặt không làm tông. Nếu căn cứ theo nghĩa Đại thừa sau của ngài Hộ Pháp... thì tuy thuyết nhị đế, nhưng thế tục đế có bốn chung cho không và hữu; Thắng nghĩa đế cũng có bốn mà chỉ có hữu mà chẳng có không, không tức là vô. Biến kế sở chấp chỉ vọng chấp hữu, thể của nó thật là không vô, cho nên chẳng phải là Thắng nghĩa. Hai đế đều có bốn lớp bất đồng. Bốn lớp của thế tục đế:

1. Do thế gian thành tựu, pháp thế vị tất đã có, tất cả thế gian cùng dùng ngôn thuyết của mình chấp đó là có, tức thật có ngã pháp, ví như bình, thau...

2. Do đạo lý thành lập, hữu tình thế gian có tâm tư... đạo lý được nói ra thể dụng đều có, tức pháp hữu vi, vô vi, uẩn, xứ, giới...

3. Do chứng đắc thành lập, các học giả, thế gian dùng phương tiện học tập, trừ ác làm thiện, chứng Thánh quả, tức bốn đế lý...

4. Do nghĩa chân thành lập, các học giả thế gian đã tu học rồi, dùng pháp thù thắng này làm chỗ chứng đắc, tức là nhị không chân

như.

Trong bốn lớp này, một lớp đầu là thế không, ba lớp sau là thế hữu. Bốn lớp của Thắng nghĩa:

1. Do thế gian thành lập, các học giả thế gian, dùng ngôn thuyết thế gian, cho điều này là có, tức các pháp hữu vi vô vi uẩn xứ giới....

2. Do đạo lý thành lập, các học giả thế gian cùng lập đạo lý, như lý bốn đế...

3. Do chứng đắc thành lập, các học giả thế gian dùng phương tiện này để chứng quả Thánh, đó là nhị không chân như.

4. Do chân nghĩa thành lập, các học giả thế gian đã tu học rồi, dùng nơi thâm diệu làm chỗ chứng ngộ, phế bỏ việc luận đàm yếu chỉ, chỉ có nhất chân pháp giới.

Luận về hai đế này, đều chung cho nhân pháp, pháp mà hàng trung trí biết được là thế tục đế, pháp mà bậc thượng trí liễu tri gọi là thắng nghĩa đế. Vả lại, đạo lý thấp kém gọi là thế tục đế, đạo lý thù thắng cao xa gọi là thắng nghĩa đế. Vì thế nhị đế mỗi mỗi đều có bốn lớp, y nhân y pháp, đạo lý có sâu có cạn, cảnh có thô có tế để phân định sự sai biệt, nhưng một bộ kinh này phần nhiều nói về thế tục đế, cho nên phẩm Tựa ghi: “Không có ngã tạo tác không có người thọ nhận”. Phẩm Thanh Văn ghi: “Pháp chẳng phải chúng sinh vì lia cấu nhiễm chúng sinh”. Phẩm Bồ-tát ghi: “Giả gọi là Bồ-đề vì danh tự tánh không”. Phẩm Vấn Tật ghi: “Vả lại bệnh này phát khởi đều là do chấp ngã, vì thế chẳng nên sinh tâm chấp ngã. Đã biết gốc bệnh tức trừ tướng ngã và tướng chúng sinh. Như khởi tướng về pháp, nên nghĩ thế này: Vì do các pháp hợp thành thân, cho nên khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt, cho đến nói rộng ra... Vì diệt tướng về pháp, nên nghĩ thế này: Pháp tướng này cũng là điên đảo, điên đảo tức là đại hoạn. Ta phải nên xa lìa, nói lìa tức lìa, tức lìa ngã và ngã sở, cho đến các phẩm đều nói ngã pháp không, khuyên xa lìa các phân biệt. Ba thế tục sau tức ba thắng nghĩa trước không cầu phải luận riêng.

Nói về Thắng nghĩa đế có bốn lớp:

1. Nhân duyên pháp môn.

2. Duy thức pháp môn.

3. Vô tướng pháp môn.

4. Chân như pháp môn.

1. *Nhân duyên pháp môn*: Phẩm Tựa ghi: “Do nhân duyên nên các pháp sinh, nghiệp, thiện, ác cũng chẳng mất”. Phẩm phương tiện ghi: “Thân này do bốn đại chủng hợp thành, nó vô thường, không mạnh mẽ,

còn pháp thân Như Lai do vô lượng pháp thiện gom tập mà thành, cho đến muốn được pháp thân này nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Phẩm Vấn Tật ghi: “Bệnh của Cư sĩ nhân đâu mà khởi? Duy-ma-cật nói: Do si khởi ái, tức bệnh của tôi sinh, vì tất cả chúng sinh bệnh, cho nên tôi bệnh”. Trước trả lời về bệnh là nói về nhân duyên sinh tử, si là gốc. Câu trả lời sau là nói về nhân duyên xuất thế, dùng Đại từ bi làm gốc. Và lại Bồ-tát có bệnh nên nghĩ rằng: “Bệnh của tôi hôm nay đều là do các phiền não vọng tưởng điên đảo từ đời quá khứ sinh ra, vì do bốn đại hòa hợp, giả danh là thân.” Các văn như trên đều nói về pháp nhân duyên.

2. *Duy thức pháp môn*: Phẩm Tựa ghi: “Trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát, thân tâm Đại thừa là tịnh độ của Bồ-tát, cho đến nói rộng ra... tùy theo tâm tịnh tức cõi Phật tịnh; do đó tâm như thì cõi Phật như, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”.

Phẩm Thanh văn ghi: “Như Đức Phật nói vì tâm như cho nên chúng sinh như, tâm tịnh thì chúng sinh tịnh”. Các văn như thế đều nói về pháp Duy thức.

3. *Vô tướng pháp môn*: Phẩm Thanh văn ghi: “Pháp thường vắng lặng, vì diệt hết các tướng; pháp lìa tướng vì không có sở duyên. Bài báng Phật, hủy nhục pháp, không vào chúng số, rốt cuộc chẳng được diệt độ, ngài nên như thế mới được thọ nhận thức ăn”, cho đến nói rộng ra... Tất cả ngôn thuyết chẳng lìa tướng, đến như người trí chẳng chấp trước văn tự, cho nên không kinh sợ, vì văn tự tánh ly (tánh văn tự là xa lìa), không có văn tự, tức là giải thoát, tướng giải thoát tức là các pháp”. Các đoạn văn như thế, đều là nói về pháp vô tướng.

4. *Chân như pháp môn*: Phẩm Tựa ghi: “Nếu có thể phân biệt khéo léo được các pháp tướng, thì nơi Đệ nhất nghĩa thường chẳng động”. Phẩm Thanh Văn ghi: “Nếu có thể dùng tánh bình đẳng của món ăn mà nhập vào tánh bình đẳng của các pháp, dùng tánh bình đẳng của các pháp nhập vào tánh bình đẳng của các món ăn, mới có thể thọ nhận thức ăn. Lại chẳng nên dùng tâm hành sinh diệt mà nói pháp thật tướng. Các pháp rốt ráo chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường”. Phẩm Bồ-tát ghi: “Tất cả chúng sinh đều như, tất cả pháp cũng như, các Hiền Thánh cũng như, cho đến Di-lặc cũng như, như tức là chẳng một chẳng khác”. Phẩm Quán Chúng Sinh ghi: “Hỏi: ‘Điên đảo tưởng lấy gì làm gốc?’ Đáp: ‘Lấy vô trụ làm gốc.’ Hỏi: ‘Trụ lấy gì làm gốc?’ Đáp: ‘Vô trụ thì vô bản (không có gốc), từ gốc vô trụ mà lập tất cả pháp. Cho nên

biết chân như rất rốt ráo sâu xa. Phẩm Pháp Môn Bất Nhị nói ba mươi ba bậc Đại sĩ đều hiển bày pháp môn Bất nhị, trong đó ba mươi một vị nói về tướng vô sai biệt, cho rằng vào pháp môn Bất nhị, đều là dùng vô tướng phá tướng, đều là pháp môn vô tướng thứ ba, nghĩa còn thô, còn chấp trước. Đến Bồ-tát Diệu Cát Tường, tuy dùng không lời không thuyết, không chỉ bày, lia các hỏi đáp là vào pháp môn Bất nhị, tức cũng dùng chân như phá không ngôn thuyết, tức là dùng lời nói để hiển lý, cũng chưa phải là sâu xa cùng tột, vì còn nương vào sự giải thích để hiểu, cũng là pháp môn vô tướng thứ ba, thứ ba thuộc về thắng nghĩa chứng đắc; chỉ có ngài Tịnh Danh im lặng không lời, chánh tri chánh chứng được chân như vi diệu, là pháp môn chân như, sâu xa lại càng sâu xa. Các văn dẫn như thế đều nói về pháp môn chân như. Nhân duyên sự pháp thì rất thô hiện, còn Duy thức lý quán thì rất vi tế, vì thuyết thì có tướng trạng của nội tâm, còn vô tướng thì quán chung với vô sai biệt tướng lại càng rất vi tế, nhưng vẫn có tâm vô tướng, chưa được chánh chứng. Chỉ có pháp môn chân như rất sâu xa vi diệu, tâm cảnh thâm hợp với trí, thần thì hợp với chánh lý; kế hội với chân trí thì trừ diệt hoặc chướng tập khí, lập tất cả pháp, cho nên đó gọi là bậc nhất.

Tuy nói bốn môn nhưng không trái nhau, mỗi một pháp môn, thâm nhiếp tất cả. Vả lại trong nhân duyên lại có Duy thức, trong Duy thức lại có nhân duyên, cũng có vô tướng, vô tướng được duyên chẳng lia nhân duyên, thể chân như cũng là nhân duyên vì nhân duyên thâm nhiếp tất cả pháp, cho đến trong chân như cùng với tất cả pháp chẳng phải một, chẳng phải khác, tùy sự thích ứng mà chẳng trái với nghĩa của ba môn trước. Nay tùy sự tướng, thô tế khác nhau mà nói có bốn loại, chẳng phải nhất định là riêng biệt. Nay kinh này hiển thị thế tục đế, ngã pháp đều không, chẳng nên chấp trước. Thuyết pháp nhân duyên để trừ nhiễm giữ tịnh, nên lý Duy thức để nói cảnh là vọng chẳng phải chân, chứng được lý duy tâm thì rõ được yếu chỉ vô tướng, đoạn trừ tướng phân biệt sai biệt. Thuyết lý chân như khiến cho khởi trí chứng. Nhờ vào ngôn thuyết mà nói bốn sự lý khác nhau, bỏ yếu chỉ mà luận bàn, tất cả đều không sai biệt. Văn kinh sau nên tùy nghi mà phối hợp riêng. Trong đó hai tông đều giải thích nghĩa kinh. Tông Đại thừa trước thì nói chung về hai đế, Tông Đại thừa sau thì nói riêng hai đế. Trước cho ba vô tánh là chân, ba tánh là tục; sau cho ba vô tánh là tục, ba tánh là chân. Về tông thuyết có hữu không, là do lý bất đồng.

Ba, Thể tánh của kinh:

Thể của kinh có hai:

1. Văn năng thuyên.
2. Nghĩa sở thuyên.

Văn là sở y, nghĩa là năng y, do nơi văn năng thuyên mà nghĩa được hiển bày. Nếu căn cứ theo Luận sư Thanh Biện giải thích hai thể này, thì vào thể tục để để nói về thể của kinh, vì như tất cả pháp hữu vi vô vi, hoặc không hoặc hữu, nên các pháp là thể, vì đều lấy tất cả pháp làm sở thuyên. Như văn kinh sau ghi: “Ví như người huyện thuyết pháp cho người huyện nghe, tánh đó chẳng phải không, nhưng lại là giả chẳng phải là thật.

Trong giáo năng thuyên cũng có nói ngôn luận chương cú, lấy âm thanh làm thể tánh. Phạm âm là Bát-đà, Hán dịch là Tích, là tên của Hộ Pháp, nhưng đó chỉ hiển thể mà chưa hiển được nghĩa. Cú (câu) có thể phân làm hai loại:

1. Tập pháp mãn tích cú, như nói chẳng sinh cũng chẳng diệt, chẳng đến cũng chẳng đi, chẳng phải một cũng chẳng phải khác, chẳng thường cũng chẳng đoạn. Một câu này tuy nghĩa chưa đủ nhưng cũng được gọi là câu. Vì nghĩa viên mãn, nên đầu tiên âm thanh có thể gom tập hiển bày các pháp, gọi đó là tích, giáo là tích của Lý, như tìm dấu vết mà được voi, cho nên được giáo mà quán xét nghĩa lý, chẳng lập danh từ “Tự” mà đầu tiên lập tích này.

2. Hiển nghĩa châu viên cú, như nói: “Các hành vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt đã diệt, tịch diệt là an lạc”. Một câu này, nghĩa đã đầy đủ.

Nay lấy câu tập pháp tạng mãn túc giải thích ở trên, mà không lấy câu hiển nghĩa châu viên này. Âm Phạm là Phược-ca, Hán dịch là Ngôn. Nghĩa đã hiển đầy đủ gọi là Ngôn, tức là từ cú “câu” được Hộ Pháp nói. Âm Phạm là Bát-thích-ca-la, Hán dịch là Chương, chương tức minh nghĩa, đoạn nghĩa, một chương một đoạn để nói rõ về các nghĩa. Âm phạm là Xa-tát-đát-la, Hán dịch là Luận. Tổng quát một bộ để lập tên luận.

Bốn loại này đều lấy âm thanh làm thể tánh, từ hẹp mà được rộng, giải thích các pháp một cách đầy đủ, tức đầu tiên hiển thể, kế đó hiển nghĩa, rồi giải thích rộng và cuối cùng là hoàn bị. Cho nên chẳng lập tên “Tự”, Bát-nhã Đăng luận có giải thích rõ về điều này. Đó là căn cứ theo thể tục, nếu căn cứ theo thắng nghĩa thì tất cả năng thuyên, sở thuyên đều không.

Cho nên văn kinh sau ghi: “Pháp không danh tự vì đoạn dứt ngôn ngữ, pháp không nói năng vì lìa giác quán, pháp không hình tướng vì như hư không, cho đến nói rộng ra, phàm người thuyết pháp thì không nói không chỉ bày, phàm người nghe thì không nghe không được. Vì thể tánh các pháp là không thì đâu có gì là giáo là lý? Căn cứ vào hai lý thế tục và Thắng nghĩa mà văn kinh sau có ghi: “Thuyết pháp chẳng có cũng chẳng không, vì thể của thắng nghĩa là không, thuyết pháp chẳng có, thể của thế tục là có nên ngôn ngữ chẳng phải không. Lại thể của Thắng nghĩa là không cho nên chẳng phải có ngôn ngữ; chẳng phải không có ngôn ngữ; pháp tánh đã không, thì đâu thể nhất định nói là không là hữu. Cho nên cả hai đều chẳng phải. Từ thế tục đế mà có thể dùng giáo nghĩa làm thể của kinh, nếu theo thắng nghĩa tất cả đều không thì chẳng có thể hay không thể. Nếu căn cứ theo ngài Hộ Pháp... thì thắng nghĩa và thế tục đế của Bồ-tát đều lấy hai giáo năng thuyết và sở thuyết làm thể của giáo. Vả lại sở thuyết thế tục đế đều lấy các pháp hữu vi vô vi hoặc không hoặc hữu làm thể, tức dùng ba tánh làm thể sở thuyết. Pháp không có ngã vì lìa ngã cấu là biến kế sở chấp; từ si sinh ái thì bệnh của tôi liền sinh tức y tha khởi tánh. Tất cả pháp đều “như” nên viên thành thật tánh cũng “như”. Các văn như thế trên dưới rất nhiều, đều nói chỉ dùng âm thanh, danh, cú văn làm thể tánh.

Luận Thập Địa ghi: “Người thuyết người nghe đều lấy hai việc làm cứu cánh, đó là âm thanh và danh tự.” Trong kinh Giải Thâm Mật, ở Địa thứ chín nói đoạn hai ngu: Một là, đối với vô lượng pháp sở thuyết, vô lượng danh, cú, tự, Đà-la-ni tự tại ngu”. Luận Thành Duy Thức, quyển chín giải thích rằng “Vô lượng danh, cú, tự là pháp vô ngại giải; pháp sở thuyết tức là nghĩa vô ngại giải; danh, cú, tự là văn năng thuyết; pháp sở thuyết là nghĩa sở thuyết”.

Đối pháp thứ nhất ghi: “Âm thanh mà Thành Duy Thức luận dẫn dụng là âm thanh mà chư Thánh tuyên thuyết”. Luận Thành Duy Thức quyển hai lại ghi: “Do pháp và từ, cả hai vô ngại giải, mà cảnh có sai biệt. Pháp duyên với danh... Từ duyên với âm thanh, cho nên y theo thế tục, âm thanh... là thể; nếu y theo thắng nghĩa, luận chung về thể tánh các pháp thì gồm bốn loại:

1. Nhiếp tướng quy tánh thể.
2. Nhiếp dư quy thức thể.
3. Nhiếp giả tùy thật thể.
4. Giả thật biệt luận thể.

1. *Nhiếp tướng quy tánh thể*: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi vô vi, có

thể tánh là chân như, chân như là gốc, cho nên kinh Đại Bát-nhã ghi: “Tất cả hữu tình là Như Lai tạng”.

Kinh Thắng Man cũng ghi: “Phàm sinh tử tức Như Lai tạng, nếu không phải là Như Lai tạng thì chẳng thể chán khổ vui mà cầu Niết-bàn, vì thế Như Lai tạng là y, là trì là kiến lập”.

Kinh Vô Cấu Xưng nói: “Tất cả hữu tình đều như, tất cả pháp cũng như.”

Lại nói: “Từ gốc vô trụ mà lập tất cả pháp”.

Các văn như thế, thật chứng chẳng phải là một.

2. *Nhiếp dư quy thức thể*: Nghĩa là thể của tất cả pháp chẳng là thức.

Kinh Hoa Nghiêm quyển chín ghi: “Tâm như người họa sĩ, vẽ các loại năm ấm; trong tất cả thế gian; không pháp nào chẳng tạo; như tâm Phật cũng thế; như Phật, chúng sinh, đồng; tâm, Phật và chúng sinh, ba pháp không sai biệt; chư Phật thấy đều biết; tất cả từ tâm chuyển; nếu rõ biết như thế, người này thấy chân Phật, thân cũng chẳng phải tâm, tâm cũng chẳng phải thân, làm tất cả Phật sự, tự tại chưa từng có, nếu có người muốn biết, ba đời tất cả Phật, nên hiểu rõ như thế, tâm tạo chư Như Lai.”

Kinh Vô Cấu Xưng ghi: “Vì tâm cấu nên chúng sinh cũng cấu nhiễm”.

Các văn như thế chẳng phải là một.

3. *Nhiếp giả tùy thật thể*: Nghĩa là tất cả các giả pháp, đều không có một thể riêng biệt tùy gốc nương tựa mà lấy thật pháp làm tánh, như phần, hận... lấy sân làm thể. tịnh độ giả danh lấy bốn trần làm thể. Chúng sinh giả danh lấy năm uẩn làm thể; tất cả chư Phật lấy năm pháp làm thể.

4. *Giả thật biệt luận*: Nghĩa là dụng của giả thật khác nhau, mỗi mỗi đều được nói riêng. Như văn sau kinh ghi: “Hoặc có cõi Phật dùng âm thanh, danh tự làm Phật sự.”

Danh cú đó thuộc về pháp xứ là bất tương ưng pháp. Âm thanh sở khởi thuộc về thanh xứ, thuộc về sắc trụ, như thế chẳng phải là một. Nay nói giáo thể, theo như văn nghĩa, đều có bốn loại này;

Thứ nhất, văn nghĩa nhiếp tướng quy tánh đều lấy chân như làm thể. Chân như tức là bản tánh của tất cả pháp, như biển lấy vị mặn làm tánh, các nước ở trăm sông đổ ra biển đều biến thành vị mặn. Vạn pháp trở về chân thì cũng đồng một vị.

Cho nên kinh Bát-nhã ghi: “Nếu dùng sắc để thấy ta, dùng âm

thanh để cầu ta, người ấy thực hành tà đạo, chẳng thể thấy được ta.”

Luận Thiên Thân ghi: “Ứng hóa chẳng phải chân Phật, chẳng phải người thuyết pháp, thuyết pháp bất nhị thư, không thuyết tướng ly ngôn.”

Phẩm Thanh Văn kinh này ghi: “Ngài Vô Cấu Xưng nói với ngài Thiện Hiện rằng: ‘Văn tự tánh là, không có văn tự tức là giải thoát, tướng của giải thoát là các pháp.’”

Kinh lại ghi: “Pháp chẳng phải là kiến văn giác tri, nếu thực hành kiến văn giác tri thì đó là kiến văn giác tri mà chẳng phải là cầu pháp.”

Phẩm Bát Tư Nghị ghi: “Pháp không có hý luận; nếu nói biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo thì đó là hý luận, chẳng phải là cầu pháp.”

Phẩm Quán Chúng Sinh ghi: “Từ vô trụ lập tất cả các pháp.” Các văn như thế, thật chứng dẫn chẳng phải một.

Thứ hai, nhiếp dư quy nhất: năng thuyết sở thuyết nếu theo căn bản thì lấy thức tâm của người năng thuyết làm thể; nếu căn cứ theo ngọn thì lấy tâm thức của người năng văn làm thể.

Cho nên luận Thập Nhị Duy Thức ghi: “Sức triển chuyển tăng thượng, hai thức thành quyết định.”

Phẩm Tựa ghi: “Tùy theo pháp giáo tức có diệu phước, tùy theo diệu phước tức có diệu tuệ, tùy theo diệu tuệ tức có diệu trí, tùy theo diệu trí mà có diệu hạnh, tùy theo diệu hạnh mà có tự tâm thanh tịnh, tức có các diệu công đức thanh tịnh.”

Kinh Giải Thâm Mật ghi: “Sở duyên của các thức chỉ là sở hiện của “thức”.”

Kinh A-tỳ-đạt-ma: “Người thành tựu giản trạch, có trí được định. Tư duy tất cả pháp, nghĩa như đều hiển hiện”.

Văn chứng minh rất nhiều.

Thứ ba, nhiếp giả tùy thật, sở thuyết có bốn:

1. Tâm, “thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát”.
2. Tâm sở, “Các chúng sinh tu tập Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, Giác chi, Đạo chi, sinh sang nước kia”.
3. Sắc: “Chúng sinh có ba mươi hai tướng quý trang nghiêm sinh sang nước kia”.
4. Vô vi “Nếu không có tướng tạo tác, tức là vô vi, trong pháp vô vi, làm sao có kiến”.

Cho nên biết sở thuyết chỉ có bốn, các đoạn văn như thế toàn bộ

kinh chẳng phải có một, chẳng thể dẫn hết. Vả lại, chỉ như thế năng thuyên có một, chỉ một âm thanh làm thể tánh.

Phẩm Hương Tích kinh này ghi: “Chín trăm vạn Bồ-tát ở phương trên hỏi Duy-ma-cật rằng: Thích-ca Như Lai dùng gì để thuyết pháp? Duy-ma-cật đáp: Chúng sinh cõi này càng cường khó giáo hóa, cho nên Đức Phật dùng lời nói càng cường để thuyết pháp, lời nói lấy âm thanh làm thể tánh.”

Kinh Pháp Hoa cũng ghi: “Chúng ta hôm nay thật là Thanh văn, từ âm thanh của Phật đạo mà tất cả đều được nghe”, cho nên giáo tức âm thanh.

Thứ tư, tướng dụng luận riêng, sở thuyên có năm:

1. Tâm.
2. Tâm sở.
3. Sắc.
4. Bất tương ứng.
5. Vô vi.

Bốn pháp khác như đã nói ở trên, còn bất tương ứng thì có văn: “Không nên dùng tâm sinh diệt mà thuyết pháp thật tướng”.

Lại ghi: “Ngôn ngữ văn tự là Phật sự”.

Một pháp này là giả, bốn pháp kia là thật. năng thuyên có bốn: âm thanh, văn, danh, cú. Phẩm Bồ-tát Hạnh kinh này ghi: “Hoặc có cõi Phật dùng âm thanh ngôn ngữ văn tự làm Phật sự”. Trên dẫn chứng, chỉ lược nêu lên ít phần, như dùng lý để chuẩn định văn, thì thể của kinh nhất định như thế. Vả lại, có bốn loại là nhân duyên, duy thức, vô tướng, chân như căn cứ theo phần nói về tông ở trước, thì đều nêu dẫn thuyết, nhưng chẳng nêu dùng văn thuyết chân như, cho nên không có ba pháp kia; văn thuyết vô tướng, không có hai pháp kia, văn thuyết duy tâm không có một pháp kia, người trí nên như lý mà xét biết.

Bốn, Các kinh bất đồng:

Bất đồng có hai:

1. Tên giáo bất đồng.
2. Tên phẩm bất đồng.

1. Tên giáo bất đồng:

Kinh này trước sau có bảy bản dịch:

1. Nghiêm Phật Điều, dịch vào đời Hán, ở Bạch mã.
2. Chi Cung Minh, dịch vào đời Ngô, ở Vũ khương.
3. Gồm ba bản dịch vào đời Đông tây Tấn, của Pháp Hộ, Lâm Lan

và Mật-đa mỗi mỗi truyền giáo nghĩa của mình.

4. Ngài La-thập, dịch vào đời Tần.

5. Hòa thượng, dịch vào đời Đường ghi rằng: “Trừ bản của ngài La-thập ra còn các bản khác hoặc có tên là Duy-ma-cật kinh, hoặc gọi là Vô Cấu Xương kinh, hoặc gọi là Thuyết Duy-ma-cật kinh, hoặc gọi là Thuyết Vô Cấu Xương kinh, hoặc gọi là Tỳ-ma-la-cật kinh.

Độc nhất bản của ngài La-thập đặt tên là Duy-ma-cật Sở Thuyết kinh và một tên khác là Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát kinh. Căn cứ theo bản phạm ở phần Thư đề có ghi: “A-phất-ma-la chỉ-lý-để, A là vô, Ma-la là cấu, như nói A-ma-la thức, Hán dịch là Vô cấu thức. Nay đã thêm chữ Phất nên gọi là Xương. Đã nói Vô Cấu Xương còn Chỉ-lý-để là Thuyết. Âm Phạm phần nhiều là đảo ngược, như nói: “Áo mặc, cơm ăn”. Nay nói Vô cấu xương thuyết”, tức kinh này nói Vô Cấu Xương là sở thuyết, nếu thuận theo âm Hán phải nói là Thuyết Vô Cấu Xương kinh. Ngài La-thập chẳng theo Hán dịch giữ nguyên thứ tự theo tiếng Phạm tức chấp nhận Duy-ma-cật cũng được thuyết kinh, bởi vì thân bị tục vọng vây quanh, lừa tăng đã lâu, sợ người chê trách, nên chấp nhận việc ông Duy-ma thuyết kinh. Như Lộc Nữ Sở Thuyết kinh tức kinh nói về việc của Lộc Nữ mà chẳng phải là Lộc nữ thuyết kinh. Nếu ở trước Phật, Phật đã ấn khả, thì thiên ma ngoại đạo cũng được thuyết kinh, tuy chấp nhận người khác nói nhưng vẫn phải ghi là Phật thuyết kinh, người khác không được thuyết kinh.

Luận Du-già ghi: “Trong mười hai thể loại, thì hàng đệ tử chỉ thuyết kinh luận nghị, vì lý chẳng trái với Phật, còn mười một loại khác thì hàng đệ tử không được thuyết. Thay đổi thành lời Phật thì thầy trò khác biệt, nếu chẳng như thế thì thầy trò đâu khác? Trong ba tạng thì chỉ được thuyết tạng A-tỳ-đạt-ma, mà chẳng được thuyết hai tạng kia”. Thầy trò đã khác nhau, cho nên ngài Tịnh Danh và Diệu Đức không được thuyết kinh; cũng chẳng phải toàn bộ kinh đều do ngài Tịnh Danh thuyết, vì sao lại gọi là Duy-ma-cật thuyết?

Duy-ma gọi là Tịnh Danh, nghĩa có thể đã rõ ràng nhưng lời thì chẳng thông, như nói Duy-ma thì mới chỉ là Cấu Xương, thiếu hai chữ A-la là Cật, lí-để tức là thuyết, nhưng lại nói là sở thuyết, thêm lời để làm gì? Chỉ vì ngài La-thập là người Quy Tư không thông thạo tiếng ở vùng trung thổ Ấn Độ, cho nên văn lậm lậm không chánh xác, mà ý nghĩa chưa thể dung thông. Hoặc gọi là bất khả tư nghị Giải thoát, điều này căn cứ theo quyển cuối của bản phạm có ghi: “Phật nói, kinh này tên là Thuyết vô cấu xương bất khả tư nghị tự tại thân biến giải thoát pháp

môn”. Nếu luận về người. Thì chỉ nói là A-phát-đa-la chỉ-lý-để nếu chỉ luận về pháp thì ghi chú là: Cũng có tên Bất khả tư nghì giải thoát; bản cựu dịch, Đức Phật dạy chỉ có hai tên, mà ở đây người dịch lại chia riêng, chẳng phải bản phạm như thế. Như đã thật có hai tên gọi thì đều nêu lên rồi, như kinh Thắng Man có mười lăm tên gọi, kinh Vô Lượng Nghĩa có bảy tên đều đã ghi chép đủ, vì sao đã đều là tên gọi mà chẳng cùng nêu lên? Tất cả là do ngài La-thập thấy tên chú thích liền cho là tên kinh mà không có bản ghi cước chú, người sau tiếp tục chép theo, khiến cho nhiều đời cứ như thế mà nêu lên giải thích. Lý chẳng phải như thế, căn cứ theo lời chú thì nói về việc bất khả tư nghì Giải thoát, cho nên theo đó mà đặt tên.

2. *Tên phẩm khác nhau*: Kinh gồm mười bốn phẩm, về số lượng phẩm thì đồng mà tên có khác. Phẩm thứ nhất tên là phẩm tựa, ngài La-thập gọi là phẩm Phật Quốc. Khế kinh này chính là nói về việc của ngài Duy-ma-cật, muốn đề cập rõ về việc ấy cho nên trước nói phẩm Tựa, vì sao chẳng gọi là tựa mà gọi là Phật quốc? Nếu nói rằng Bảo Tánh hỏi Phật, Phật thuyết về cõi Phật nghiêm tịnh thì gọi là Phật quốc, để nói riêng về nghĩa Phật quốc, chẳng phải là tự thuật. Lời tựa để nói về Tịnh Danh, vậy như kinh Pháp Hoa, phẩm Tựa nói về bảy loại thành tựu như vô lượng nghĩa... vì sao không gọi là phẩm thành tựu mà gọi là phẩm Tựa? Vả lại các kinh đều có phẩm Tựa, vì sao kinh này lại không? Lại theo sau để làm chuẩn định cho trước, thì sau đã có phẩm Chúc Lụy, vì sao trước lại không có phẩm Tựa.

Phẩm thứ hai tên là Hiển Bất Tư Nghị Phương Tiện Thiện Xảo, ngài La-thập chỉ gọi là phẩm phương Tiện. Nghĩa của Phương tiện thì chung cho cả Đại Tiểu, nay thì hiển Đại, cho nên cần phải nói là chẳng thể bàn, đâu được chỉ nói là Phương tiện. Trong pháp Đại thừa, phương tiện thì chung cho cả quyền và thật, đây là hiển quyền mà chẳng phải thật, hàng giai vị thấp chẳng thể biết, diệu dụng vô cùng, cho nên gọi là bất tư nghị thiện xảo, để phân biệt tiểu và phân biệt thật, thì không nên chỉ gọi là phương tiện. Vả lại bản Phạm có ghi đủ Hiển bất tư nghị thiện xảo, vì sao ngài La-thập lại dùng đơn danh phương tiện.

Phẩm thứ ba là phẩm Thanh Văn, ngài La-thập gọi là phẩm Đệ Tử. Bồ-tát và Thanh văn đều là đệ tử, vì sao chỉ gọi Thanh văn là Đệ tử, dùng Tiểu so sánh với Đại thì nên gọi là Thanh văn mà chẳng nên gọi là Đệ tử, huống gì bản Phạm không ghi từ Đệ tử.

Phẩm thứ năm nay gọi là Vấn Tật, ngài La-thập gọi là phẩm Văn-thù-sư-lợi Vấn Tật. Ngài La-thập cho rằng Bồ-tát Cát Tường là bậc

thượng thủ, cho nên lấy đó làm tên. Nay thì cho rằng chẳng phải một người đến thăm cho nên gọi chung là Vấn Tật, nếu theo bản Phạm thật cũng chẳng có tên như thế.

Phẩm thứ bảy nay gọi là Quán Hữu Tình, ngài La-thập gọi là phẩm Quán Chúng Sinh, cỏ cây không có sự biết cũng gọi là chúng sinh. Có biết thì gọi riêng là hữu tình, chẳng dùng để gọi chung cho cây cỏ, huống gì bản Phạm ghi: Ma-hô thiện-na, dịch là chúng sinh, lại nói Tát-đỏa, cho nên gọi là Hữu tình.

Phẩm thứ tám nay gọi là phẩm Bồ-đề Phần, ngài La-thập gọi là phẩm Phật Đạo. Bồ-đề nghĩa là giác, tức quả Phật ở vị lai, phần là nghĩa nhân, đó chính là các hạnh, thành nhân của giác, vả lại Bồ-đề là giác tức là diệu tuệ, phần nghĩa là chi phần, đây là chi phần của diệu tuệ. Nếu nói Phật đạo, thì Phật là quả Phật, đạo tức nhân, nghĩa là con đường, con đường để chứng đắc Phật quả, nghĩa tuy có thể được, nhưng theo ý ngài Tăng Triệu: Muốn cho chữ đạo của Lão tử đồng với chữ của Phật, mà lấy làm tên. Bồ-đề nghĩa là Giác, chưa phải là nghĩa Phật đạo, vậy đã trái âm Phạm, mà nghĩa lại vượt quá, vậy há đã ở giai vị Phật mà không có đạo ư? Cho nên phải gọi là phẩm Bồ-đề Phần.

Phẩm thứ chín là phẩm Bất Nhị Pháp Môn, ngài La-thập gọi là phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn. Nay nói về độ lý của pháp môn Bất nhị, đâu nhọc gì phải nói trực nhập? Ngài La-thập cho rằng Cư sĩ Tịnh Danh im lặng không nói là vào Bất nhị, Diệu Đức... có lời lẽ ra phải nói là nhị. Tất cả đều nói rõ nghĩa Bất nhị, cho nên chẳng cần nói nhập. Bản kinh tiếng Phạm không có chữ nhập.

Phẩm thứ mười nay gọi là phẩm Hương Đài, ngài La-thập gọi là phẩm Hương Tích. Thể Hương của thân Phật cao diệu như đài hương, chỉ nói là Hương tích, do tích tụ hương mà thành, thì không có nghĩa cao diệu. Vì muốn hiển thị thể của cõi Phật vi diệu cao xa, cho nên phải gọi là phẩm Hương Đài.

Phẩm mười hai nay gọi là Quán Như Lai. Ngài La-thập gọi là phẩm A-súc Phật. Ở phẩm này Đức Phật hỏi Duy-ma-cật thế nào gọi là Quán Như Lai, và nói về các phẩm quán pháp thân Như Lai... Sau nhân ngài Thu Tử thưa hỏi mới nói về việc ngài Tịnh Danh từ cõi nước của Phật A-súc đến; đâu chỉ nói về Phật A-súc. Nay chỉ lấy tên là Phật A-súc thì mất đi nghĩa của phẩm kinh này, thế thì đâu chỉ trái với âm Phạm mà thôi? Nhưng dùng phương ngôn thì xa cách, chánh lý thì thiếu khuyết, cho nên nghĩa đã trái với bản tông, thì tên làm sao không lầm lẫn được?

Năm, Chỗ y cứ để phân khoa phẩm mục:

Xưa phân khoa kinh này, trong mười bốn phẩm có nhiều điểm khác nhau. Như bản sơ giải xưa. Nay phân khoa làm ba:

1. Một phẩm đầu tiên nói về phần duyên khởi của kinh.
2. Mười một phẩm kế tiếp, phần chính thức nói về bản tông.
3. Hai phẩm cuối là phần tán thán phó chúc lưu thông.

Kinh này nói về hai lợi ích quyền thật của hàng Bồ-tát, hai vị nhân quả, hai đế chân tục, hai lý không hữu. Nói về nhân phát khởi cho nên đầu tiên gọi là Tựa. Đã nêu duyên khởi kế đó là nói về tông chỉ của kinh, cho nên mười hai phẩm tiếp theo gọi là phần bản tông. Yếu chỉ của kinh đã sâu xa, e rằng không thể truyền học, nên có các việc tán thán Đức Dược Vương Như Lai ở quá khứ... để khuyên việc truyền trao cho đời sau, vì thế hai phẩm sau gọi là phần lưu thông. Trong phần duyên khởi có bốn loại viên mãn:

1. Tựa viên mãn: Từ câu “Đúng thật như thế” đến câu “rừng Am-la-vệ.”
2. Chúng viên mãn: Từ câu “Cùng với chúng đại Bí-sô” đến câu “phóng ánh sáng vi diệu che phủ đại chúng.”
3. Thuyết nhân viên mãn: Từ câu “Lúc bấy giờ ở thành Quảng Nghiêm có một vị Bồ-tát” đến câu “Thắng quốc độ này có vô lượng công đức báu vật trang nghiêm.”
4. Lợi ích viên mãn: Từ câu “Lúc Phật hiện cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh” đến hết phẩm.

Tuy phẩm này đều là tựa, nhưng đầu tiên là tựa chung các kinh đều có, vì nghĩa của tựa rất thù thắng nên đặc biệt được gọi như thế. Chúng tức là đồ chúng, là hàng quyến thuộc thân cận bậc Thánh đức. Nhân tức nguyên do, Bảo Tích hiến dâng lọng báu, hỏi Đức Phật về cõi Phật nghiêm tịnh của Bồ-tát, Đức Phật nói hai lợi ích, là nhân nghiêm tịnh cõi Phật để phát khởi chánh tông, là các hạnh tu tập thân độ của Bồ-tát, cho nên gọi là thuyết nhân. Trời, người nghe pháp đạt được quả vị khác nhau, nói về việc khác nhau này gọi là lợi ích viên mãn.

Trong phần tựa viên mãn, văn thì gồm bốn đoạn, thắng diệu thì có hai. Bốn đoạn văn:

1. Hiện bày chung đã được nghe, tức câu “Đúng thật như thế chính tôi đã được nghe”.
2. Thời gian thuyết pháp tức là câu: “nhất thời”.
3. Giáo chủ, tức Đức Bạc-già-phạm.
4. Nơi thuyết kinh tức là câu: “Trụ tại rừng Am-la-vệ ở thành

Quảng Nghiêm”.

Hai việc thắng diệu:

1. Thành Quảng Nghiêm hơn hẳn các thành khác.
2. Rừng Am-la hơn hẳn các khu rừng khác.

Thành này rộng lớn hơn các thành khác, lầu các trang nghiêm tốt đẹp hơn những nơi khác. Cây trong vườn kết quả đã hơn các khu vườn khác mà thường tự bảo vệ, đó là hiển bày pháp đáng tôn trọng; hiển thị pháp nghĩa rộng lớn, vạn đức trang nghiêm, khế hợp với khu vườn đạo quả, rất đáng được tôn trọng. Cho nên phẩm Tựa có hai viên mãn như trên.

